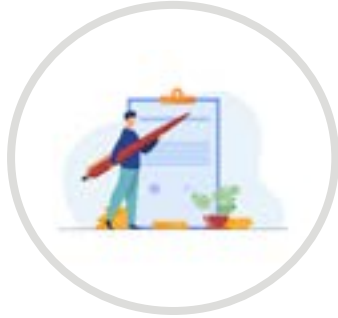


**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN**

**2020**



# MỤC LỤC



## I. PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Các chỉ số cơ bản  
Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi



## II. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin chung  
Lịch sử phát triển  
Ngành nghề kinh doanh  
Mạng lưới giao dịch  
Mô hình quản trị  
Các công ty con công ty liên kết  
Định hướng phát triển  
Thông tin cổ phần cổ phiếu  
Các rủi ro



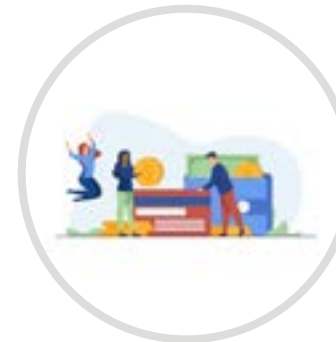
## III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Tổng quan ngành chứng khoán Việt Nam năm 2020  
Kết quả hoạt động kinh doanh 2020  
Tổ chức và nhân sự



## IV. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Đánh giá tình hình hoạt động của FPTS năm 2020  
Kế hoạch kinh doanh 2021  
Kết luận



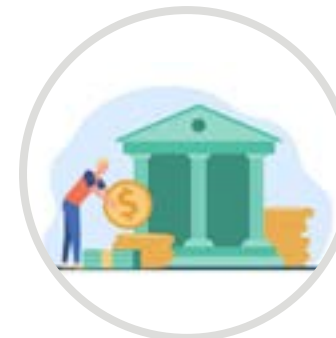
## V. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý  
Phương hướng hoạt động năm 2021  
Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty liên quan đến môi trường và xã hội



## VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị  
Ủy ban Kiểm toán  
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán



## VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH





# I. PHẦN MỞ ĐẦU





## THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông NGUYỄN VĂN DŨNG**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

### Kính gửi Quý cổ đông,

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới bị tàn phá nặng nề bởi đại dịch Covid-19, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Để thúc đẩy nền kinh tế, chính phủ các nước thực hiện nhiều gói cứu trợ dành cho doanh nghiệp và người dân, các ngân hàng trung ương cũng giảm mạnh lãi suất.

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột thương mại Mỹ – Trung vẫn tiếp diễn. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội”, kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2020 đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 2,91%, nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới. Cùng với Trung Quốc

và Myanmar, Việt Nam là một trong ba quốc gia ở châu Á có mức tăng trưởng tích cực trong năm nay; đồng thời quy mô nền kinh tế nước ta đạt hơn 343 tỷ USD, vượt Singapore (337,5 tỷ USD) và Malaysia (336,3 tỷ USD), đưa Việt Nam trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á.

Trong năm 2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã liên tục nới lỏng chính sách tiền tệ, giảm hàng loạt các lãi suất cho vay làm thúc đẩy chi tiêu trong dân chúng và hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Chính vì thế, một dòng tiền khổng lồ đã được đẩy vào thị trường chứng khoán thay thế cho các kênh đầu tư truyền thống như gửi tiết kiệm hay bất động sản. Sự gia nhập mạnh mẽ của các nhà đầu tư mới (F0) tạo nên sự sôi động của thị trường trong nửa cuối năm. Năm 2020, nhà đầu tư trong nước đã mở thêm 393.659 tài khoản giao dịch chứng khoán, chiếm gần 11% tổng số tài khoản đăng ký giao dịch chứng khoán. Nhờ sự dịch chuyển dòng tiền này nên chỉ số VN – Index đã tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2020, kết thúc năm với 1103,87 điểm, tăng gần 15% so với cuối năm 2019.

Trước những thuận lợi vĩ mô như trên và sự đồng lòng, nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên, FPTS đã có kết quả kinh doanh tương đối tốt :

Tổng doanh thu năm 2020 đạt 445,14 tỷ VNĐ, tăng 13,23% so với năm 2019 và vượt 14,14% so với kế hoạch đặt ra.

Lợi nhuận trước thuế đã thực hiện năm 2020 đạt 250,25 tỷ VNĐ tăng 7,06% so với năm 2019 và vượt 13,75% so với kế hoạch đặt ra.

Thị phần môi giới thị trường chứng khoán cơ sở năm 2020 đạt 3,71% tăng 33,45% so với năm 2019 và vượt 23,67% so với kế hoạch đặt ra.

Thị phần môi giới thị trường chứng khoán phái sinh năm 2020 đạt 1,89% tăng 73,39% so với năm 2019 và giảm 37% so với kế hoạch đặt ra.

Năm 2020 cũng là năm ghi nhận những hoạt động mới trong một năm khác biệt, do quyết định giãn cách ở các thành phố lớn, FPTS đã tổ chức một loạt Hội thảo trực tuyến, giới thiệu cơ hội đầu tư đến đông đảo khách hàng. Bên cạnh đó, để tạo thuận lợi cho các Công ty đại chúng tổ chức Đại hội đồng cổ đông trong bối cảnh của dịch Covid-19, FPTS cũng là công ty chứng khoán duy nhất trên thị trường cung cấp sản phẩm hỗ trợ tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến tuân thủ đúng theo thời gian và các thủ tục quy định của Pháp luật. Nhờ những nỗ lực này mà trong năm 2020, HNX đã vinh danh FPTS là Công ty Chứng khoán tiêu biểu trong giai đoạn 2019-2020. Thành tích này tiếp tục khẳng định vị thế của Công ty trên thị trường và mở ra nhiều cơ hội phát triển mới. Để có được những kết quả trên, FPTS đã luôn kiên định với định hướng phát triển của mình, nhất quán trong nguyên tắc hoạt động và tập trung phát triển dựa trên giá trị cốt lõi là **CON NGƯỜI** và **CÔNG NGHỆ**.

Năm 2021 dự đoán sẽ tiếp tục là một năm khởi sắc cho thị trường chứng khoán bởi tác động của sự phục hồi của kinh tế vĩ mô và việc tiêm Vaccine diện rộng tạo ra hy vọng kiểm soát được dịch bệnh. Mặt bằng lãi suất thấp trong nước và cả ở nước ngoài sẽ tiếp tục giữ chân các nhà đầu tư trong nước. Thị trường chứng khoán sẽ tương đối sôi động do thu hút được lượng lớn nhà đầu tư mới.

Đứng trước những cơ hội đó, Công ty sẽ tiếp tục định hướng hoạt động dựa trên các giá trị cốt lõi của mình, không ngừng nâng cao vị thế là một trong các Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời tri ân đến Quý cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn đồng hành cùng Công ty. Xin gửi lời cảm ơn chân thành tới toàn thể người lao động vì nỗ lực hết mình cho thành quả của Công ty trong thời gian qua.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

**Thay mặt HĐQT**

**Chủ tịch HĐQT (Đã ký)**

**Nguyễn Văn Dũng**

## CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN



TỔNG DOANH THU  
**445,14 TỶ VND**



CÁN BỘ NHÂN VIÊN  
**386 NGƯỜI**



LÃI TRƯỚC THUẾ ĐÃ THỰC HIỆN  
**250,25 TỶ VND**



SỐ TÀI KHOẢN CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ  
**157.849 TÀI KHOẢN**



LÃI TRƯỚC THUẾ ĐÃ THỰC HIỆN/  
VỐN ĐIỀU LỆ  
**18,92 %**



VỐN ĐIỀU LỆ  
**1.322 TỶ VND**



SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH  
(Cập nhật tại ngày 17/03/2021)  
**132.264.786**  
CỔ PHẦN

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Doanh thu hoạt động	Tỷ đồng	695,24	386,65	403,54
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	135,87	107,57	143,26
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	33,25	27,93	11,90
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	0,13	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	50,53	52,06	53,19
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	541,96	254,94	218,99
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	0,99	0,28	1,62
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	542,95	255,22	220,60
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	489,98	214,30	170,55
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.501,71	2.523,66	3.395,72
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1.093,14	1.202,44	1.322,67
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.975,18	2.111,02	2.202,17
<b>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>				
Thu nhập trên vốn cổ phần bình quân (ROE)	%	27,80%	10,50%	7,91%
Thu nhập trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	22,80%	8,53%	5,76%
Lãi cơ bản trên CP (EPS)	VND	4.265*	1.622**	1.286

(\*) Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu số năm 2018 đã điều chỉnh lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018 được trích vào năm 2019.

(\*\*) Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu số năm trước đã điều chỉnh lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019 được trích vào năm 2020, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 đến thời điểm phát hành báo cáo thường niên này chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 do chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



## TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

### CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NĂM 2020



Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2020



Công ty chứng khoán tiêu biểu trong giai đoạn 2019-2020



Công ty chứng khoán được khách hàng hài lòng nhất



Top 10 về thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền tại HNX và HOSE

### TẦM NHÌN

FPTS mong muốn trở thành một định chế tài chính hùng mạnh, bằng nỗ lực xây dựng đội ngũ cán bộ và năng lực công nghệ, mang lại những sản phẩm dịch vụ chất lượng cao nhất cho khách hàng và cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần cho mọi thành viên.

### SỨ MỆNH

Chú trọng đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được tối đa sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng. Không ngừng đầu tư nghiên cứu, tận dụng mọi thế mạnh công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch. Trở thành sự lựa chọn số một của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước.

### GIÁ TRỊ CỐT LÕI

#### CON NGƯỜI

Xác định con người là sức mạnh cốt lõi, FPTS luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, mang đậm văn hóa FPT. Nhờ những nỗ lực trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự, trọng dụng nhân tài, quan tâm đào tạo cán bộ, đề cao đạo đức nghề nghiệp, hiện FPTS đã có gần 400 cán bộ, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm làm việc ở cả môi trường trong nước và quốc tế.

#### CÔNG NGHỆ

Đầu tư tập trung, khai thác tối đa các ưu thế về công nghệ, FPTS đã xây dựng thành công hệ thống công nghệ thông tin đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Với các thiết bị hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, hệ thống giao dịch của FPTS có thể phục vụ được số lượng rất lớn khách hàng với tốc độ cao, mọi lúc, mọi nơi tại sàn giao dịch cũng như qua điện thoại hay internet.

Các phần mềm phục vụ giao dịch chứng khoán được lựa chọn để đáp ứng yêu cầu hiện tại và tương lai theo tiêu chuẩn quốc tế, đang được sử dụng rộng rãi tại các quốc gia có thị trường chứng khoán rất phát triển như Úc, Anh, Hồng Kông, Ấn Độ, Malaysia, Singapore,...

Các trang WEB của FPTS được chứng thực bởi tổ chức có uy tín trên thế giới với giao thức bảo mật SSL, đảm bảo an toàn về dữ liệu truy cập và dữ liệu trên đường truyền.

Các giao dịch từ xa qua Internet, qua điện thoại được bảo mật bằng Thiết bị xác thực người dùng - Token Card của hãng RSA







## THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Thành viên của Tập đoàn FPT- được cấp phép thành lập và hoạt động theo Giấy phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/7/2007. Trải qua gần 15 năm hình thành và phát triển, FPTS đã liên tục hặt gặt được nhiều thành công, đạt được sự tin tưởng của khách hàng, khẳng định là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam.

Thông tin chung			
<b>Tên doanh nghiệp:</b>	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT		
<b>Tên tiếng Anh:</b>	FPT Securities Joint Stock Company	<b>Điện thoại:</b>	19006446
<b>Tên viết tắt:</b>	FPTS	<b>Fax:</b>	(84.24) 3773 9058
<b>Trụ sở chính:</b>	Số 52 Đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội	<b>Email:</b>	fptsecurities@fpts.com.vn
<b>Vốn điều lệ:</b>	1.322.673.000.000 VND	<b>Mã chứng khoán:</b>	FTS
<b>Website:</b>	http://www.fpts.com.vn	<b>Nơi niêm yết:</b>	HOSE



## LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

- 2007**  
FPTS được cấp phép thành lập và hoạt động.  
Lập chi nhánh Hồ Chí Minh, tại Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Q1, TP HCM.  
Tăng vốn điều lệ lên 440.000.000.000 VNĐ
- 2008**  
Bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành.  
Lập chi nhánh Đà Nẵng, tại Số 09 Nguyễn Văn Linh, Phường Nam Dương, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
- 2011**  
Tăng vốn điều lệ lên 550.000.000.000 VNĐ
- 2012**  
Tăng vốn điều lệ lên 733.323.900.000 VNĐ
- 2013**  
Hoàn thành mua trụ sở chi nhánh FPTS TP Đà Nẵng và FPTS TP Hồ Chí Minh. Ngày 30/12, chi nhánh FPTS Đà Nẵng chuyển trụ sở sang địa chỉ mới tại 100 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
- 2014**  
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ra Quyết định số 258/QĐ-UBCK chấp thuận việc thay đổi địa chỉ Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh của FPTS
- 2015**  
Tăng vốn điều lệ Công ty lên 806.648.700.000 VNĐ
- 2016**  
Tăng vốn điều lệ Công ty lên 903.437.270.000 VNĐ
- 2017**  
Chuyển về trụ sở chính số 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.  
Ngày 13/1, chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán FTS Tăng vốn điều lệ Công ty lên 993.769.520.000 VNĐ
- 2018**  
Tăng vốn điều lệ Công ty lên 1.093.136.880.000 VNĐ
- 2019**  
Tăng vốn điều lệ Công ty lên 1.202.440.510.000 VNĐ
- 2020**  
Tăng vốn điều lệ Công ty lên 1.322.673.490.000 VNĐ



## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

### GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN



- **GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN:**
  - Giao dịch chứng khoán cơ sở
  - Giao dịch chứng khoán phái sinh
  - Giao dịch chứng quyền có đảm bảo
- **GIAO DỊCH KÝ QUỸ**
- **DỊCH VỤ ỨNG TRƯỚC**
- **LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN**
- **TƯ VẤN ĐẦU TƯ**

### TƯ VẤN DOANH NGHIỆP



- **DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ**
  - Tư vấn phát hành cổ phiếu/chào bán chứng khoán
  - Tư vấn niêm yết, đăng ký giao dịch, đăng ký CTĐC
  - Tư vấn thoái vốn, đấu giá
  - Tư vấn mua bán, sát nhập
- **TƯ VẤN QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP:**
  - EZGSM
  - EZSearch
  - EZLink
- **TƯ VẤN HOÀN THIỆN DOANH NGHIỆP**
  - Tư vấn Quản trị nhân sự và giải pháp EzHRM;
  - Tư vấn Quản trị tài chính kế toán và giải pháp EzFAM;
  - Tư vấn Xây dựng Kế hoạch kinh doanh;
  - Tư vấn Dự báo Tài chính;

## MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH

### TRỤ SỞ CHÍNH:

Địa chỉ: Số 52 đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội;  
Điện thoại: 19006446  
Fax: (84-24) 3773 9058.

### CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH:

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh;  
Điện thoại: 19006446  
Fax: (84-28) 6.291 0607.

### CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG:

Địa chỉ: Tầng 3,4 Tòa nhà Tràng Tiền, số 130 Đống Đa, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng  
Điện thoại: 19006446  
Fax: (84-236) 3553 888.

### PHÒNG GIAO DỊCH HÀN THUYÊN:

Địa chỉ: Tầng 2, số 21 Hàn Thuyên, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;  
Tel: 19006446  
Fax: (84-24) 3933 6168.

### PHÒNG GIAO DỊCH PHAN ĐĂNG LƯU:

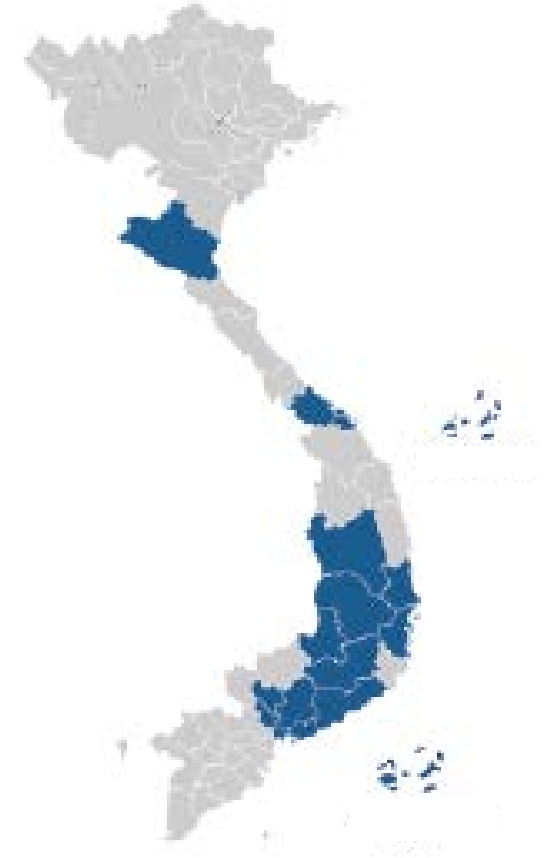
Địa chỉ: Số 159C, Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh;  
Điện thoại: 19006446  
Fax: (84-28) 3.995 6997.

### PHÒNG GIAO DỊCH TRẦN BÌNH TRỌNG:

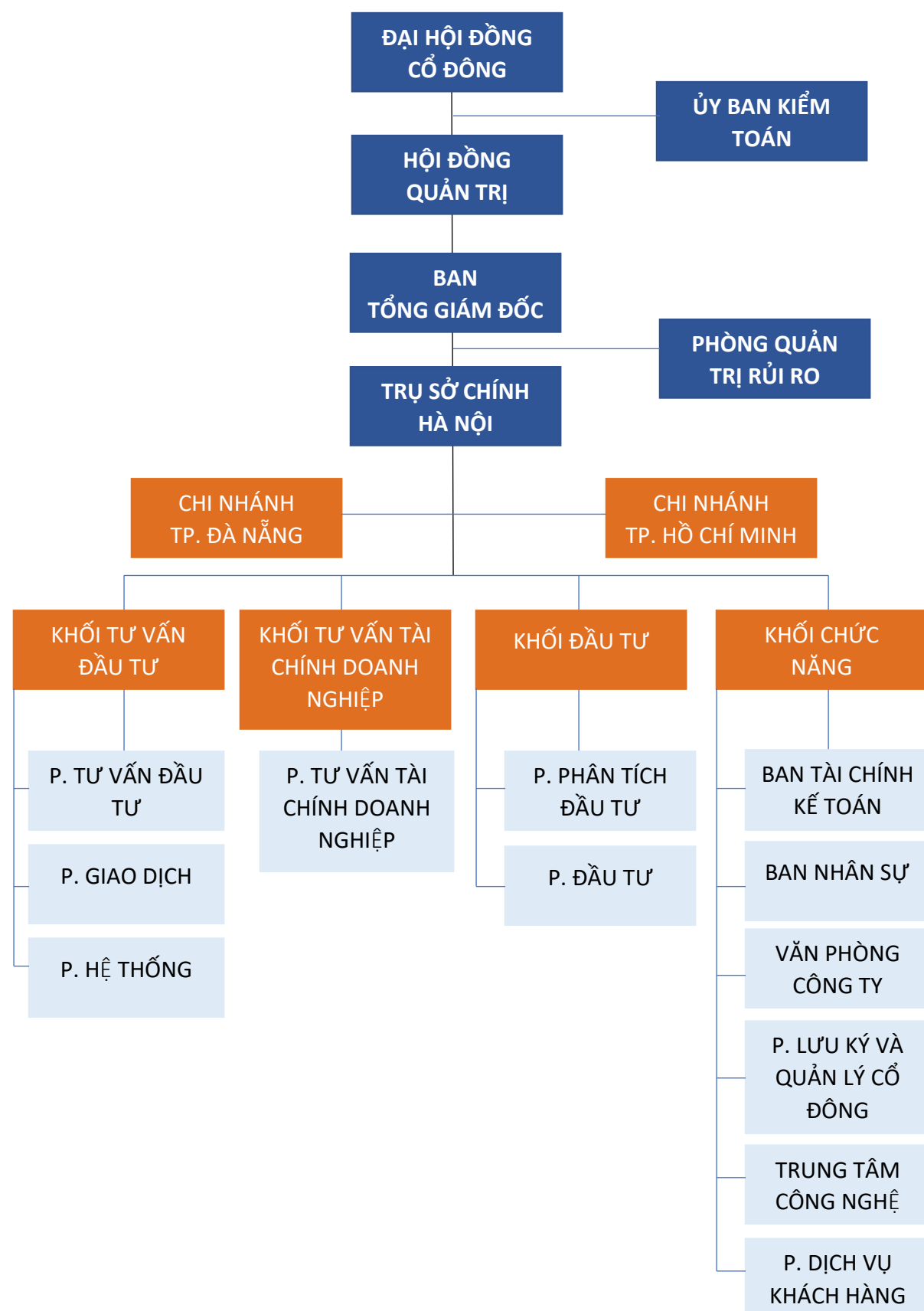
Địa chỉ: Số 299 Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5 TP. Hồ Chí Minh;  
Điện thoại: 19006446  
Fax: (84-28) 3830 8028.

### PHÒNG GIAO DỊCH KỶ ĐỒNG:

Địa chỉ: Lầu 2, số 14B Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh;  
Điện thoại: 19006446  
Fax: (84-28) 6269 8587.



## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



## GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

### THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2018 -2023



1

2

#### 1. Ông: **NGUYỄN VĂN DŨNG**

Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 1976

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kế toán, Cử nhân Ngoại ngữ (Chuyên ngành Tiếng Anh)

**Quá trình công tác:**

1996 – 1998: Cán bộ tín dụng, Cán bộ quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Châu Á – Thái Bình Dương

1998 – 2006: Cán bộ Tài trợ thương mại, Trợ lý giám đốc Ngân hàng Mizuho Corporate Bank, chi nhánh Hà Nội

2006 – 2007: Phụ trách nghiệp vụ Tài trợ thương mại Ngân hàng HSBC, chi nhánh Hà Nội

2007 – nay: Giám đốc tư vấn đầu tư Công ty cổ phần chứng khoán FPT

04/2018 – 7/2020: Thành viên HĐQT CTCP Chứng khoán FPT

04/2019 -nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán FPT

08/2020 – nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán FPT

#### 2. Ông **NGUYỄN ĐIỆP TÙNG**

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 1968

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính kế toán

**Quá trình công tác:**

1991 – 1993: Cán bộ Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần FPT

1993 – 2004: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FPT

2004 – 2007: Thành viên HĐQT, Trưởng Ban Kế hoạch – Tài chính, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FPT

2007 – 2010: TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

2010 – 7/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

08/2020 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT





3

4

### 3. Ông ĐỖ SƠN GIANG

*Thành viên HĐQT*

**Năm sinh:** 1973

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán

**Quá trình công tác:**

1997 – 2000: Kế toán viên Công ty Cổ phần FPT  
2001 – 2003: Phó ban kế hoạch tài chính Công ty Cổ phần FPT

2003 – 2010: Kế toán trưởng, Trưởng ban kế toán tài chính Công ty hệ thống thông tin FPT(FIS)

2010 – 2017: Phó Tổng Giám đốc, Trưởng ban kế toán tài chính Công ty hệ thống thông tin FPT (FIS); Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

2017 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH hệ thống thông tin FPT (FIS); Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

### 4. Ông NGUYỄN KHẮC THÀNH

*Thành viên HĐQT độc lập*

**Năm sinh:** 1964

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Phó tiến sĩ Toán Lý

**Quá trình công tác:**

1991 – 1996: Chuyên viên phần mềm Công ty phát triển đầu tư công nghệ FPT

1996 – 1999: PGĐ Xí nghiệp Giải pháp phần mềm Công ty phát triển đầu tư công nghệ FPT

1999 – 2006: Giám đốc Trung tâm đào tạo lập trình viên quốc tế FPT – Aptech

2006 – 2010: Phó Hiệu trưởng Trường Đại học FPT

2007 – 2011: TV BKS Công ty CP Chứng khoán FPT  
2010 - 2016: Phó Hiệu trưởng Trường Đại học FPT; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

2017 - nay: Hiệu trưởng Trường Đại học FPT; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT



5

6

### 5. Bà NGUYỄN THỊ THÁI ANH

*Thành viên HĐQT độc lập kiêm Trưởng Ủy ban Kiểm toán*

**Năm sinh:** 1976

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ (chuyên ngành Tiếng Anh), Cử nhân Luật

**Quá trình công tác:**

1996 – 1999: Cán bộ tín dụng Ngân hàng TMCP Châu Á Thái Bình Dương

1999 – 2001: Nhân viên tư vấn thuế và tài chính Công ty PricewaterhouseCooper (PwC)

2001 – 2007: Cán bộ tín dụng, Phó phòng tín dụng, Giám đốc PGD - Sở giao dịch 1 - BIDV

2007 – 2013: Giám đốc Tư vấn tài chính Doanh nghiệp Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

2013 – 2016: Chánh văn phòng Hội đồng quản trị Ngân hàng VP Bank

2016 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị MIK Group

2018 – nay: Chủ tịch Công ty Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản MIK Home

03/2019 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

2020 -nay: Trưởng Ủy ban Kiểm toán Công ty cổ phần Chứng khoán FPT

### 6. Ông TARO UENO

*Thành viên HĐQT*

**Năm sinh:** 1982

**Quốc tịch:** Nhật Bản

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác:**

11/2005 - 01/2009: Trợ lý giám đốc tại Phòng ngân hàng doanh nghiệp số 16 Ngân hàng Mizuho, Ltd. Tokyo, Nhật Bản

01/2009- 09/2012: Trợ lý Điều hành Ngân hàng Mizuho, Ltd.- Phòng tài chính thương mại toàn cầu tại Singapore

09/2012 - 07/2014: Giám đốc Ngân hàng Mizuho, Ltd.- Phòng tài chính thương mại toàn cầu tại Hồng Kông

07/2014- 03/2018: Giám đốc tài chính doanh nghiệp phi Nhật Bản Ngân hàng Mizuho, Ltd. Chi nhánh Hà Nội, Việt Nam

03/2018-01/2019: Giám đốc Phòng ngân hàng doanh nghiệp số 18 Ngân hàng Mizuho, Ltd. Tokyo, Nhật Bản,

02/2019-nay: Giám đốc Phòng quản lý kinh doanh tại nước ngoài Tập đoàn SBI Holdings, Tokyo, Nhật Bản

07/2019-nay: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Sunshine Energy (Pvt) Ltd., Sri Lanka

11/2019-nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Công nghệ Utop, Việt Nam

04/2020- nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

## BAN ĐIỀU HÀNH



4

2

1

3

### 1. Ông NGUYỄN ĐIỆP TÙNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Đã được giới thiệu tại mục Thành viên HĐQT

### 3. Ông DOÃN TRUNG KIÊN

Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm công nghệ

Năm sinh: 1976

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ thông tin

Quá trình công tác:

2000 – 2006: Quản lý Công nghệ thông tin tại Công ty cổ phần công nghệ FPT;

2006 – nay: Giám đốc Công nghệ thông tin tại Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

04/2019 - nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán FPT

### 2. Ông: NGUYỄN VĂN DŨNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Đã được giới thiệu tại mục Thành viên HĐQT

### 4. Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh: 1974

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác:

1994 - 2003: Kế toán Công ty Phát triển đầu tư Công nghệ FPT

2003 - 2004: Kế toán Công ty TNHH Phân phối FPT

2004 - 2006: Kế toán trưởng Công ty TNHH Giải pháp phần mềm FPT

2006 - 2007: Kế toán Công ty Phát triển đầu tư Công nghệ FPT

2007 – Nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần chứng khoán FPT

04/2019 - nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán FPT

## ỦY BAN KIỂM TOÁN

### 1. Bà NGUYỄN THỊ THÁI ANH

Thành viên HĐQT độc lập kiêm Trưởng Ủy ban Kiểm toán

Đã được giới thiệu tại mục Thành viên HĐQT

### 2. Bà LÊ THỊ THÙY TRANG

Thành viên Ủy ban kiểm toán

Năm sinh : 1986

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Kiểm toán ĐH Kinh tế TP. HCM

Quá trình công tác:

2008 – 2010: Kế toán tổng hợp Công ty CP viễn thông FPT – CN HCM

2010 – 2020 : Nhân viên kế toán Công ty CP Chứng khoán FPT

2020 - nay: Giám đốc tài chính Công ty CP Tập đoàn Milgroup; Thành viên Ủy ban Kiểm toán CTCP Chứng khoán FPT

### 3. Bà NGUYỄN HÀ MY

Thành viên Ủy ban kiểm toán

Năm sinh: 1996

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đối ngoại trường ĐH Ngoại thương

Quá trình công tác:

2018-2020: Chuyên viên tư vấn đầu tư Công ty CP Chứng khoán FPT

2020 - nay: Thành viên Ủy ban Kiểm toán CTCP Chứng khoán FPT





## CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

FPTS tiếp tục thận trọng trong các hoạt động đầu tư, lựa chọn danh mục chứng khoán cho vay; lựa chọn áp dụng các giải pháp bảo mật trong các giao dịch chứng khoán với nhà đầu tư; công bố thông tin minh bạch tạo niềm tin cho khách hàng và cổ đông FPTS; tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ dựa trên hai giá trị cốt lõi là con người và công nghệ.

### VỀ CON NGƯỜI

FPTS tiếp tục với định hướng mở rộng đội ngũ nhân sự đi đôi với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Bên cạnh việc đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, FPTS đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

### VỀ CÔNG NGHỆ

FPTS tiếp tục kiên định với định hướng: Không ngừng đầu tư nghiên cứu, tận dụng mọi thế mạnh công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch và trở thành sự lựa chọn số một của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước

## THÔNG TIN CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHIẾU

### THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Cập nhật tại ngày 17/03/2021

Tổng số cổ phần	132.267.349 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	Phổ thông
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/cổ phần
Cổ phiếu quỹ	2.563 cổ phần
Số lượng cổ phần đang lưu hành	132.264.786 cổ phần
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	132.264.786 cổ phần

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 17/03/2021

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	<b>Cổ đông lớn</b>		
	Trong nước	26.455.306	20,0014%
	Nước ngoài	26.455.306	20,0014%
2	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	2.563	0,0019%
3	<b>Cổ đông khác</b>		
	Trong nước	76.794.080	58,0598%
	Nước ngoài	2.560.094	1,9355%

## SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN THEO CỔ ĐÔNG LỚN

Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 17/03/2021

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	CTCP FPT	Số 17 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	26.455.306	20,0014%
2	SBI Financial Service Co,Ltd	Izumi Garden Tower 20F, 1-6-1 Roppongi, Minato Ward, Tokyo, Japan	26.455.306	20,0014%

## LỊCH SỬ TĂNG VỐN

STT	Năm	Vốn điều lệ (VNĐ)	Nội dung tăng vốn
1	13/7/2007	200.000.000.000	Thành lập Công ty.
2	11/2007	440.000.000.000	Tăng vốn từ phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 và phát hành cổ phiếu cho CBNV.
3	4/2011	550.000.000.000	Tăng vốn từ phát hành 11.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho SBI Securities.
4	6/2012	733.323.900.000	Tăng vốn từ chia thưởng tỷ lệ 3:1 cho cổ đông hiện hữu.
5	6/2015	806.648.700.000	Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 10:1, cho cổ đông hiện hữu.
6	6/2016	903.437.270.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 12%.
7	6/2017	993.769.520.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 10%.
8	6/2018	1.093.136.880.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 10%.
9	6/2019	1.202.440.510.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 10%.
10	7/2020	1.322.673.490.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%

## RỦI RO VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

### NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ RỦI RO

Hoạt động QTRR được thực hiện thông suốt từ trên xuống dưới, khởi nguồn từ HĐQT có nhiệm vụ xây dựng chiến lược kinh doanh cũng như đề ra hạn mức chấp nhận rủi ro cho từng loại rủi ro tới từng Bộ phận Nghiệp vụ, cụ thể như sau:

Quản trị rủi ro phải gắn liền với mục tiêu và chiến lược của Công ty, là một phần quan trọng của việc ban hành bất kỳ quyết định nào liên quan đến hoạt động của Công ty

Quản trị rủi ro phải dựa trên những thông tin hiện hữu đáng tin cậy. Các yếu tố đầu vào của quá trình quản lý rủi ro phải dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy về số lượng và chất lượng, từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm dữ liệu đã được lưu trữ, kinh nghiệm, thông tin phản hồi của các bên liên quan, sự quan sát, dự báo và phán đoán

Hệ thống quản trị rủi ro bao gồm các bộ phận và nhân sự phục vụ công tác quản trị rủi ro, được tích hợp trong cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Công ty, vận hành song song, phù hợp với quy mô và phạm vi hoạt động của Công ty;

Các chính sách và quy trình quản trị rủi ro được thực hiện liên tục, thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với phạm vi, quy mô hoạt động, điều kiện của công ty và bối cảnh thị trường;

## CÁC RỦI RO CHỦ YẾU VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

### RỦI RO THỊ TRƯỜNG

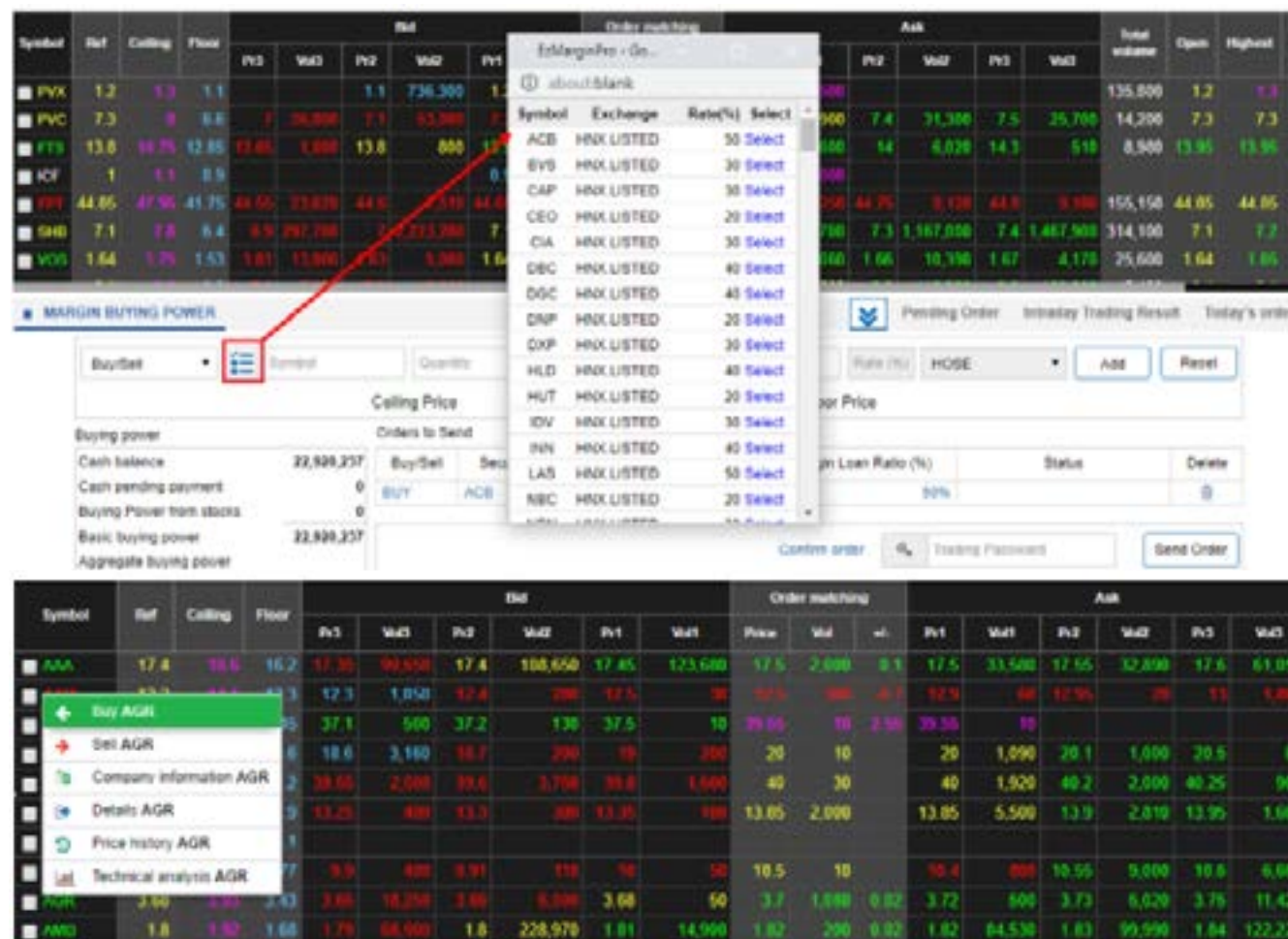
Các hoạt động kinh doanh chính của FPTS có tiềm ẩn rủi ro thị trường là các hoạt động đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, đầu tư tiền gửi, cho vay ký quỹ, phát hành chứng quyền có bảo đảm và sản phẩm chứng khoán phái sinh. Doanh thu từ các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi những biến động về lãi suất, giá cổ phiếu, có thể do tình hình thị trường, những thay đổi về chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của Chính phủ Việt Nam hoặc của các nước liên quan khác, những biến động về địa chính trị như tình hình bất ổn trên Biển Đông, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, cũng như những quy định pháp lý khác. Khi lãi suất và giá cổ phiếu biến động ngoài dự kiến, có thể dẫn tới việc giảm sút doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Để giảm thiểu các rủi ro này, FPTS đảm bảo duy trì công tác QTRR mang tính chuyên sâu, tách bạch theo từng loại rủi ro và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan với bộ phận QTRR từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, chiến lược phân tán rủi ro, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý rủi ro

### RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi FPTS mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư sử dụng vốn vay ký quỹ (margin), và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các nhà đầu tư trên tài khoản họ duy trì tại FPTS. Với số lượng khách hàng ngày càng gia tăng qua các năm, lên tới trên 157 nghìn tài khoản giao dịch trên thị trường cơ sở năm 2020, với hàng trăm nghìn yêu cầu thanh toán mỗi ngày, FPTS phải bảo đảm vận hành hoạt động thanh toán cho nhà đầu tư một cách nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm chi phí nhất. Năm 2020, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ năm 2020 đạt 2.479 tỷ VNĐ tăng 37,47% so với năm 2019 (2019 đạt 1.803 tỷ VNĐ); do bởi các hoạt động đầu tư kinh doanh nguồn vốn được đẩy mạnh, sự linh hoạt cao độ trong việc cân đối dòng tiền hàng ngày giữa giải ngân (cho vay ký quỹ) kịp thời và sử dụng hiệu quả dòng tiền vào khi Nhà đầu tư trả nợ vay ký quỹ. Năm 2020 tiếp tục là năm an toàn tuyệt đối của FPTS về quản lý thanh khoản, không phát sinh bất kỳ sự cố rủi ro nào.







## RỦI RO NHÂN LỰC

Do đặc thù của ngành, nguồn nhân lực trên TTCK luôn đòi hỏi có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đạo đức kinh doanh. Đảm bảo đủ nguồn nhân lực chất lượng cao là sống còn với các công ty chứng khoán. Khi TTCK tăng trưởng, sự cạnh tranh giữa các tổ chức tài chính, công ty chứng khoán trong việc thu hút nhân lực là rất gay gắt. Ngược lại khi TTCK sụt giảm thì hiện tượng chảy máu chất xám ò ạt từ lĩnh vực chứng khoán sang các lĩnh vực khác làm cho các doanh nghiệp chứng khoán thiếu hụt nhân sự trầm trọng. Tuy nhiên xác định con người là sức mạnh cốt lõi, FPTS luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, mang đậm văn hóa FPT. Nhờ những nỗ lực trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự, trọng dụng nhân tài, chú trọng đầu tư đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, hiện FPTS đã và đang tạo ra được sự ổn định về mặt nhân sự, đặc biệt là nhân sự cấp cao. Hiện nay FPTS đang có gần 400 cán bộ, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm làm việc ở cả môi trường trong nước và quốc tế. Sự ổn định về nguồn nhân lực chính là sức mạnh để FPTS được thực hiện mục tiêu đã đề ra, xác lập được vị thế của công ty trên thị trường.

## RỦI RO PHÁP LÝ

FPTS hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty. Rủi ro luật pháp tại FPTS là rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định, quy trình của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty thường xuyên cập nhật các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến thị trường chứng khoán và các lĩnh vực liên quan. Đảm bảo việc phổ biến các chế độ, chính sách của Nhà nước; quy định, quy trình của công ty cho tất cả các đơn vị, cán bộ có liên quan. Nhờ đó giúp Công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề về pháp luật. Công ty cũng đã ban hành các quy trình nghiệp vụ quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng ban nghiệp vụ và thực hiện phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong Công ty giúp Công ty hạn chế những rủi ro luật pháp trong hoạt động.

## RỦI RO THANH TOÁN

Rủi ro thanh toán là rủi ro khi một/một số khách hàng hoặc đối tác không thể thanh toán đầy đủ/đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đầy đủ/đúng hạn như cam kết. Để hạn chế tối đa các ảnh hưởng/thiệt hại của rủi ro thanh toán đối với hoạt động và hiệu quả hoạt động của công ty, FPTS thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện phân cấp thẩm quyền đề xuất và phê duyệt hạn mức cung ứng, hỗ trợ vốn tối đa cho một Khách hàng theo Quy định Quản lý rủi ro hoạt động hỗ trợ vốn cho khách hàng của FPTS nhằm đảm bảo an toàn cho FPTS dựa trên việc cập nhật liên tục về năng lực tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng.

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ của FPTS phải quy định rõ ràng các điều khoản để thực hiện việc bán thanh lý. Khi giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản vay giao dịch ký quỹ xuống đến một mức nhất định/đến thời điểm đáo hạn hợp đồng giao dịch ký quỹ thì FPTS phải thực hiện việc bán thanh lý tài sản đảm bảo để đảm bảo việc thu hồi vốn vay, lãi vay, các loại phí (nếu có) của FPTS.

- Sử dụng phần mềm EzMargin để quản lý trạng thái các giao dịch ký quỹ, thực hiện cảnh báo và lệnh xử lý bán tự động trong các giao dịch ký quỹ giúp FPTS thực hiện quản lý và bán chứng khoán là tài sản đảm bảo ngay khi giá chứng khoán xuống đến một mức nhất định để đảm bảo an toàn cho FPTS.







### III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020





## TỔNG QUAN NGÀNH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2020

Theo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, năm 2020, chỉ số VN-Index vượt 1.100 điểm, đạt 1.103,87 điểm, tăng mạnh tới 67% so với thời điểm thấp nhất của năm 2020, tăng 14,9% so với thời điểm cuối năm 2019; chỉ số HNX-Index tăng gần 119% so với thời điểm cuối quý I/2020 và tăng 98,1% so với cuối năm 2019. Nhờ đó, TTCK Việt Nam được đánh giá là 1 trong 10 thị trường chứng khoán có sức chống chịu với đại dịch và phục hồi tốt nhất thế giới.

Số liệu thống kê cũng cho thấy, quy mô thị trường cổ phiếu vượt mục tiêu Chính phủ đề ra cho đến năm 2020 và thị trường trái phiếu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt gần 5.294 nghìn tỷ đồng, tăng 69% so với thời điểm cuối quý I và tăng 20,8% so với cuối năm 2019, tương đương với 87,7% GDP năm 2019 và 84,1% GDP năm 2020, vượt mục tiêu đề ra. Thị trường trái phiếu có 477 mã trái phiếu niêm yết với giá trị niêm yết đạt 1.388 nghìn tỷ đồng, tăng 16,8% so với cuối năm 2019 (tương đương 23% GDP).

Một điểm ấn tượng khác là thanh khoản của thị trường tăng mạnh lên mức cao kỷ lục. Điều này phần nào cho thấy sức hấp dẫn của TTCK Việt Nam dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Cụ thể, giá trị giao dịch bình quân năm 2020 đạt trên 7.420 tỷ đồng/phiên, tăng 59,3% so với bình quân năm 2019. Thanh khoản trên thị trường trái phiếu tiếp tục tăng trưởng mạnh, bình quân đạt trên 10.393 tỷ đồng/phiên, tăng 13% so với năm 2019.

Bên cạnh đó, số liệu thống kê cũng cho thấy, số lượng tài khoản nhà đầu tư mở mới trong năm cũng tăng mạnh. Cụ thể, số tài khoản nhà đầu tư trong nước mở mới năm 2020 đạt 393.659 tài

khoản, tăng 94% so với số lượng tài khoản mở mới trong năm năm 2019, khối ngoại mở mới 2.856 tài khoản. Như vậy, lũy kế tới hết tháng 12/2020, tổng số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam đạt hơn 2,77 triệu tài khoản, tăng 16,7% so với cuối năm 2019.

Bất chấp đại dịch Covid-19 bùng phát đã ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động sản xuất kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp, song nhiều doanh nghiệp niêm yết/đăng ký giao dịch vẫn có kết quả kinh doanh khả quan. Số lượng doanh nghiệp báo cáo có lãi vẫn chiếm 84% tổng số công ty đã thực hiện báo cáo trong quý III/2020, điều này thể hiện doanh nghiệp đã có sức chịu đựng khá tốt dù trải qua dịch Covid-19.



## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2020

### KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020 SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch Năm 2020	Thực hiện Năm 2020	Tăng trưởng (%)
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	390	445,14	14,14%
Lãi trước thuế đã thực hiện	Tỷ đồng	220	250,25	13,75%
Nhân viên	Người	400	386	-3,50%
Lãi trước thuế đã thực hiện/Vốn điều lệ	%	16,63%	18,92%	13,75%
Số tài khoản chứng khoán cơ sở	Tài khoản	150.000	157.849	5,23%
Số tài khoản chứng khoán phái sinh	Tài khoản	5.000	9.995	99,90%
Thị phần môi giới thị trường chứng khoán cơ sở	%	3,00%	3,71%	23,67%
Thị phần môi giới thị trường chứng khoán phái sinh	%	3,00%	1,89%	-37,00%

Năm 2020, tổng doanh thu ghi nhận 445,14 tỷ đồng, đạt 114,14% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra. Lợi nhuận kế toán trước thuế đã thực hiện đạt 250,25 tỷ đồng tương đương 113,75% kế hoạch đề ra.

Trong đó:

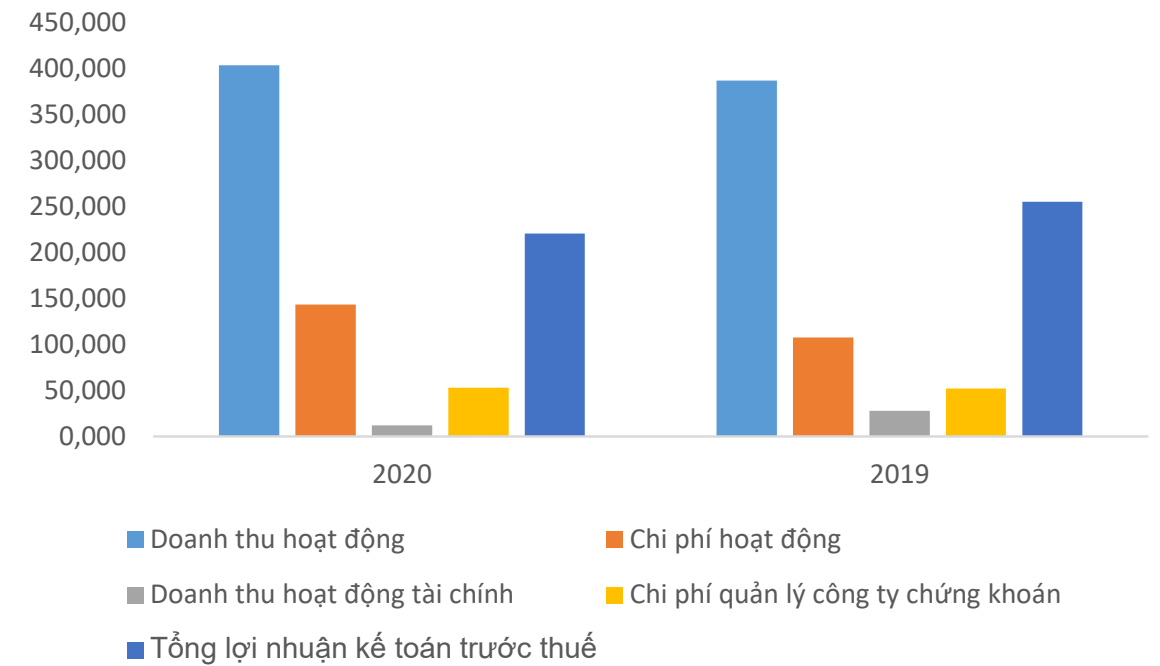
- Doanh thu môi giới chứng khoán đạt 193,89 tỷ đồng tăng trưởng vượt bậc khoảng 94% do làn sóng các nhà đầu tư mới làm tăng thành khoản thị trường chứng khoán, đặc biệt là cổ phiếu.
- Doanh thu từ mảng tư vấn và lưu ký chứng khoán tương đối ổn định, không có nhiều biến động

## KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Kết quả kinh doanh 2019 - 2020

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2019	2020	Tăng trưởng
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>	<b>386,645</b>	<b>403,535</b>	<b>4,37%</b>
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	59,149	-7,846	-113,26%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	201,887	189,864	-5,96%
Doanh thu môi giới chứng khoán	99,703	193,889	94,47%
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	-	-
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	0,179	0,627	250,28%
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	8,624	8,629	0,06%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	16,871	18,272	8,30%
Thu nhập hoạt động khác	0,233	0,1	-57,08%
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>107,575</b>	<b>143,257</b>	<b>33,17%</b>
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	0,006	-0,008	-233,33%
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	21,326	19,575	-8,21%
Chi phí hoạt động tự doanh	0,002	0,031	1450,00%
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	66,204	102,339	54,58%
Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	-	-
Chi phí nghiệp vụ đầu tư chứng khoán	0,156	0,525	236,54%
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	10,665	11,944	11,99%
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	9,215	8,851	-3,95%
Chi phí các dịch vụ khác	-	-	-
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>27,927</b>	<b>11,905</b>	<b>-57,37%</b>
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	27,927	11,905	-57,37%
<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>52,058</b>	<b>53,194</b>	<b>2,18%</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>254,939</b>	<b>218,988</b>	<b>-14,10%</b>
<b>THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>0,284</b>	<b>1,616</b>	<b>469,01%</b>
Thu nhập khác	16,622	24,033	44,59%
Chi phí khác	16,338	22,417	37,21%
<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>255,223</b>	<b>220,604</b>	<b>-13,56%</b>



Biểu đồ thể hiện kết quả kinh doanh 2019-2020 (Tỷ đồng)

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

### CƠ CẤU TÀI SẢN

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2019	2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>2.325,14</b>	<b>3.202,94</b>
Tài sản tài chính	2.322,31	3.199,00
Tài sản ngắn hạn khác	2,83	3,94
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>198,51</b>	<b>192,78</b>
Tài sản tài chính dài hạn	-	-
Tài sản cố định	166,59	161,25
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-
Tài sản dài hạn khác	31,92	31,53
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>2.523,65</b>	<b>3.395,72</b>

### CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2019	2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>412,63</b>	<b>1.193,55</b>
Nợ phải trả ngắn hạn	412,63	1.193,55
Nợ phải trả dài hạn	-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>2.111,02</b>	<b>2.202,17</b>
Vốn chủ sở hữu	2.111,02	2.202,17
Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>2.523,65</b>	<b>3.395,72</b>



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	5,63	2,68
- Hệ số thanh toán tức thời	lần	0,12	0,17
<b>2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số nợ/tổng tài sản bình quân	%	16,42	40,33
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu bình quân	%	20,20	55,34
<b>3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Doanh thu hoạt động/Vốn Chủ sở hữu bình quân	lần	0,19	0,19
- Doanh thu hoạt động / Tổng tài sản bình quân	lần	0,15	0,14
<b>4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu hoạt động	%	55,42	42,26
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH bình quân (ROE)	%	10,49	7,91
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS bình quân (ROA)	%	8,53	5,76

Trong năm 2020, tình hình tài chính của FPTS đã đạt được những kết quả như sau: tổng tài sản tăng 34,56% so với năm 2019, tổng doanh thu tăng 13,23% so với năm 2019 và lợi nhuận trước thuế đã thực hiện tăng 13,75% so với năm 2019. Cụ thể:

### Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về thanh toán hiện hành của công ty giảm dần qua các năm, năm 2020 là 2,68 lần. Lí do là các khoản vay ngắn hạn tăng nhanh trong các năm qua, đặc biệt là vay ngắn hạn ngân hàng.

### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong cơ cấu vốn, hệ số nợ/ tổng tài sản bình quân và hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu bình quân tăng so với năm ngoái, nợ chiếm 40,33% tổng giá trị tài sản bình quân của công ty, nợ chiếm 55,49% vốn chủ sở hữu bình quân. Nguyên nhân do tăng sử dụng các nguồn vốn huy động.

### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu về doanh thu hoạt động/ Vốn CSH

bình quân và Doanh thu hoạt động/ Tổng tài sản bình quân khá ổn định.

### Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời giảm dần qua các năm do sự tăng trưởng của doanh thu không lớn hơn sự tăng trưởng của chi phí cũng như vốn điều lệ và tài sản của Công ty.

Chỉ số ROA giảm, năm 2019 là 8,53% giảm xuống còn 5,76% năm 2020.

Chỉ số ROE cũng giảm, năm 2019 là 10,49% giảm xuống còn 7,91% năm 2020.

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Công ty luôn đề cao năng lực của từng người lao động và chào đón những ứng viên muốn đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty, có kiến thức, năng lực, trình độ chuyên môn cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp, năng động. Để thu hút nhân tài, Công ty có chính sách lương thưởng rõ ràng, hợp lý, đặc biệt là đối với những nhân viên xuất sắc, có đóng góp lớn. Mặt khác, Công ty cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.

### CHÍNH SÁCH LƯƠNG THƯỞNG

Chính sách trả lương: Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Công ty đã xây dựng Quy chế tiền lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm. Lương ngoài giờ: Công ty hỗ trợ và trả lương ngoài giờ theo đúng Bộ Luật lao động hiện hành và thỏa ước lao động tập thể. Chính sách thưởng: Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng thứ 13. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm Công ty thực hiện chính sách thưởng hiệu quả kinh doanh cho CNCNV của Công ty theo năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và mức độ đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

### CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI XÃ HỘI

Công ty đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định (BHXH, BHYT, v.v...). Đặc biệt, công ty có thực hiện chính sách mua bảo hiểm sức khỏe toàn diện FPT Care cho toàn thể CBCNV. Hàng năm Công ty có chính sách khen thưởng trong các dịp lễ tết, tổ chức cho CBCNV của Công ty tham quan, nghỉ mát, đồng thời có chính sách khen thưởng đối với nhân viên xuất sắc. Ngoài ra Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể của Công ty (hiếu hỉ, kết hôn, thăm hỏi ốm đau, sinh nhật CBCNV,...).

### CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO CÁN BỘ

Công nhân viên tuyển dụng sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo chuyên môn để nâng cao nghiệp vụ nhằm phục vụ cho hoạt động của Công ty.

STT	Tiêu chí	2019	2020
<b>I Theo trình độ lao động</b>			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	353	372
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	8	5
3	Lao động phổ thông	8	9
<b>II Theo giới tính</b>			
1	Nam	186	192
2	Nữ	183	194
<b>Tổng cộng</b>		369	386

**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN:** không có



**Ông NGUYỄN ĐIỆN TÙNG**  
*Tổng Giám đốc*





## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA FPTS NĂM 2020

Mặc dù đại dịch Covid 19 diễn ra khắp thế giới, ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế thế giới, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tăng trưởng cả về điểm số và thanh khoản, đặc biệt vào các tháng cuối năm 2020. Chỉ số VN Index tăng 14,87% (Đầu năm 960,99 cuối năm 1.103,87), chỉ số HNX Index tăng 98,15% (Đầu năm 102,51 cuối năm 203,12), giá trị giao dịch trung bình ngày đạt 7.434 tỷ VNĐ, tăng 61,4% so với cùng kỳ (4.605 tỷ VNĐ)

Trong năm 2020, công ty nằm trong TOP 10 về thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền tại cả Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Ngoài ra, công ty cũng đứng thứ 7 trong TOP 10 về thị phần môi giới chứng khoán phái sinh.

Năm 2020, thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền tại hai Sở giao dịch chứng khoán HOSE và HNX lần lượt là 3,76% và 4,31% (Thị phần môi giới năm 2019 tại HOSE là 2,58% và tại HNX là 4,18%).

Trong năm vừa qua, công ty tiếp tục nghiên cứu,

hoàn thiện các sản phẩm công nghệ hiện có đồng thời đã phát triển và ra mắt một số sản phẩm mới, đảm bảo vận hành hệ thống công nghệ ổn định phục vụ hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Về cơ bản, trong năm 2020, công ty vẫn giữ nguyên quy mô, cơ cấu, tổ chức, nhân sự và ổn định trong mọi hoạt động của mình.

Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính đã thực hiện năm 2020 đạt 445,14 tỷ đồng hoàn thành 114,14% kế hoạch doanh thu năm 2020, tăng 13,23% so với thực hiện năm 2019. Tổng lợi nhuận trước thuế đã thực hiện cả năm 2020 đạt 250 tỷ đồng hoàn thành 113,75% kế hoạch lợi nhuận năm 2020, tăng 7,06% so với thực hiện năm 2019.

Trong năm 2020, công ty đã mở mới 15.821 tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở và 7.356 tài khoản chứng khoán phái sinh cho nhà đầu tư. Số lượng tài khoản nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty thời điểm 31/12/2020 là 157.849 tài khoản chứng khoán cơ sở và 9.995 tài khoản chứng khoán phái sinh.

### CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

#### Tổ chức, nhân sự:

Cơ bản giữ nguyên cơ cấu, quy mô, tổ chức, nhân sự. Nhân sự đầu năm 369 người, cuối năm 386 người

#### Công nghệ:

- Sản phẩm mới: EzAdvisorSelect (lựa chọn chuyên viên tư vấn đầu tư), gói dịch vụ EzIR của Tư vấn tài chính Doanh nghiệp.
- Nâng cấp sản phẩm:
  - + EzMobileTrading
  - + Bảng giá
  - + EzFuture

#### Khác:

- Vận hành hoàn thiện hệ thống quy trình và đánh giá chất lượng
- Hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 5% và bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%. Theo đó vốn điều lệ của FPTS tăng 10% lên mức 1.322.673.490.000 đồng. Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch.

## KẾ HOẠCH KINH DOANH 2021

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2020 và dự báo tình hình thị trường năm 2021, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021

Chỉ tiêu	TH 2020	KH 2021	+/-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>445 tỷ VNĐ</b>	<b>472 tỷ VNĐ</b>	<b>6,03%</b>
Lãi trước thuế	250 tỷ VNĐ	260 tỷ VNĐ	3,90%
Nhân viên	386 người	420 người	8,81%
Lãi trước thuế / Vốn điều lệ	18,92 %	17,87 %	-5,55%
Số tài khoản chứng khoán cơ sở	157.849	174.000	10,23%
Số tài khoản chứng khoán phái sinh	9.995	18.000	89,47%
Thị phần môi giới thị trường chứng khoán cơ sở	3,71 %	3,80 %	2,43%
Thị phần môi giới thị trường chứng khoán phái sinh	1,89 %	2,80 %	48,15%

### CÁC VẤN ĐỀ KHÁC:

#### Nhân sự:

Giữ nguyên cơ cấu, quy mô, tổ chức, nhân sự. Nhân sự đầu năm 386 người, cuối năm 420 người

#### Công nghệ:

Nâng cấp và hoàn thiện các sản phẩm. Thay đổi hệ thống để kết nối với hệ thống công nghệ mới của Sở GDCK dự kiến vận hành giữa năm 2021. Hỗ trợ tốt cho mọi hoạt động kinh doanh của FPTS.

## KẾT LUẬN

Trong năm 2020, công ty đã đạt được lợi nhuận trước thuế là 220,6 tỷ đồng (trong đó lợi nhuận đã thực hiện là 250,25 tỷ đồng, lợi nhuận chưa thực hiện là -29,65 tỷ đồng).

Năm 2021, Công ty sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh về con người và công nghệ, lường trước khó khăn, mở rộng phát triển khách hàng và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Công ty CP chứng khoán FPT mong muốn nhận được sự ủng hộ và gắn bó của các Quý cổ đông để cùng vượt qua mọi thách thức và hoàn thành những mục tiêu dài hạn của Công ty.





## V. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông NGUYỄN VĂN DŨNG**

*Chủ tịch Hội đồng quản trị*



## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ



Căn cứ Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hàng ngày của công ty.

Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty. Do thực hiện đúng quy trình, thủ tục nên việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ủy ban Kiểm toán nhịp nhàng và hiệu quả. Việc điều hành kinh doanh của Ban điều hành không bị cản trở, việc giám sát của Hội đồng quản trị và của Ủy ban Kiểm toán được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty thực hiện đúng các nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và nghị quyết Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ủy ban Kiểm toán thực hiện quản trị công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại, đề cao đạo đức nghề nghiệp và luôn hành động vì quyền lợi của cổ đông công ty.

Định kỳ hàng quý Hội đồng quản trị yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo kết quả kinh doanh, tiến độ thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, những khó khăn, thuận lợi phát sinh trong công

tác điều hành. Trên cơ sở các báo cáo và tình hình thực tế nắm bắt được, Hội đồng quản trị tổ chức họp xem xét, đánh giá kết quả điều hành trong quý và yêu cầu triển khai công việc mới theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông đề ra.

Trong năm Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Tổng giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị tại các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và đột xuất.

Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý. Năm 2020, các hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ theo các quy định của luật pháp hiện hành.

Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty CP Chứng khoán FPT đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện vì vậy kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận năm 2020 của công ty là khá tốt trong khối các công ty chứng khoán, hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

## PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

### KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc công việc quản trị công ty theo đúng các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty CP Chứng khoán FPT. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực; tuân thủ các chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên Hội đồng quản trị; luôn hành động vì quyền lợi của công ty và các cổ đông của công ty.

Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban điều hành trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Thiết lập và duy trì hoạt động hiệu quả của bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị, kiểm toán nội bộ và Ban điều hành tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- Luôn vì lợi ích chung của Công ty, của cổ đông;
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty;
- Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch;
- Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

### NĂNG LƯỢNG VÀ NƯỚC



Mặc dù đặc thù doanh nghiệp không sử dụng nhiều điện và nước trong việc vận hành hệ thống nhưng FPTS luôn ý thức được tầm quan trọng của 2 nguồn tài nguyên hữu hạn này đối với nhu cầu chung của xã hội. Chúng tôi luôn cố gắng kiểm soát và sử dụng tiết kiệm điện, nước, tạo dựng một văn hóa nội bộ hướng đến môi trường xanh, sạch, đẹp như một nỗ lực không ngừng nghỉ.

FPTS áp dụng thực hiện chương trình tiết kiệm điện, nước trong toàn Công ty và phổ biến đến từng cán bộ công nhân viên ý thức được việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn năng lượng này:

- Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng
- Không mở cửa sổ, cửa ra vào khi đang bật điều hòa
- Vòi nước được lắp đặt với cơ chế nhấn hơi tiết kiệm nước

Năm 2019, FPTS đã thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện, nước, để duy trì và phát huy hiệu quả lâu dài của hoạt động này. Năm 2020, FPTS đã đẩy mạnh việc tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm đến từng cán bộ công nhân viên trong Công ty.

### GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Ngoài việc cung cấp các phúc lợi như lương, thưởng cho nhân viên, FPTS còn muốn trao quyền cho nhân viên của họ để có thể cải thiện con đường sự nghiệp của họ trong tương lai và chuẩn bị cho họ đối mặt với những thách thức toàn cầu của thị trường lao động. Vì vậy, chúng tôi chú trọng việc đào tạo cho các cấp độ nhân viên và lãnh đạo khác nhau của mình bằng nhiều hình thức. Bên cạnh đó, việc giáo dục và đào tạo nhân viên cũng góp phần giúp doanh nghiệp đảm bảo được yêu cầu ngày càng cao của thị trường về chất lượng lao động và dịch vụ khách hàng.

Chúng tôi quản trị vấn đề giáo dục và đào tạo của mình thông qua một hệ thống các chương trình đào tạo nhân viên mới và đào tạo nghiệp vụ nội bộ. Báo cáo kết quả đào tạo được phòng Nhân sự báo cáo Ban Tổng giám đốc một năm một lần hoặc theo từng sự kiện diễn ra trong năm.

### MÔI TRƯỜNG, KINH TẾ, XÃ HỘI



Việc tuân thủ các luật định về Môi trường, Kinh tế, Xã hội thể hiện trách nhiệm cơ bản của doanh nghiệp đối với các tác động của mình. FPTS luôn đảm bảo mức độ tuân thủ của mình ở mức cao nhất. Điều đó giúp chúng tôi khẳng định năng lực quản lý của mình, hạn chế các nghĩa vụ khắc phục, tạo thế mạnh cho hồ sơ doanh nghiệp.

Bộ phận hành chính nhân sự và các bộ phận nghiệp vụ liên quan khác có trách nhiệm cập nhật các yêu cầu pháp luật liên quan để đảm bảo sự tuân thủ và điều chỉnh tương ứng các hoạt động của Công ty. Công ty lập một danh mục các văn bản luật và các yêu cầu cụ thể để áp dụng với toàn thể cán bộ, công nhân viên.

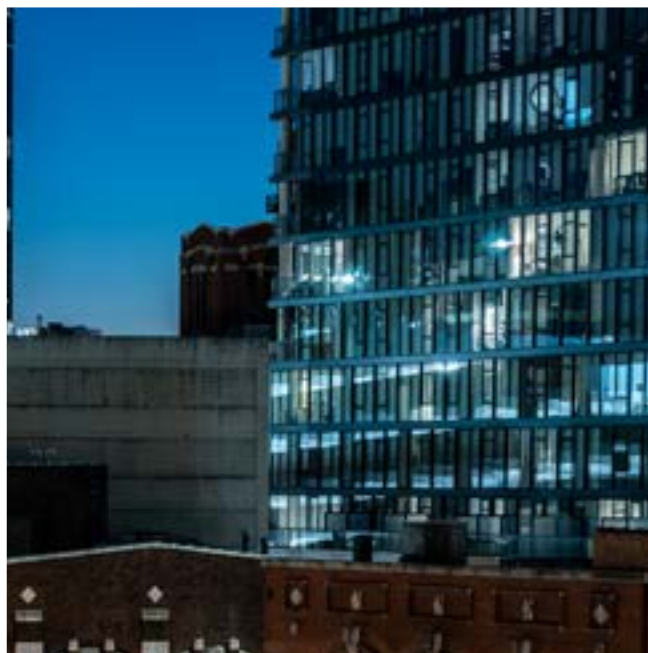
### BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG



Trong bối cảnh bùng nổ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, vấn đề về bảo mật thông tin trở thành vấn đề mà mọi doanh nghiệp đều quan tâm. FPTS luôn cố gắng duy trì sự riêng tư của khách hàng sử dụng dịch vụ của chúng tôi nhằm đảm bảo lợi ích của khách hàng và bản thân doanh nghiệp. Cam kết bảo mật này được quy định trong các thỏa thuận ràng buộc trong hợp đồng mà doanh nghiệp ký kết với từng đối tác cụ thể.

Chúng tôi quản trị vấn đề bảo mật thông tin khách hàng của mình thông qua một hệ thống được phân quyền theo các lớp module, phân quyền đến từng user. Các thông tin về bảo mật thông tin khách hàng được cập nhật đến Ban lãnh đạo thường xuyên hoặc theo thời điểm phát sinh vấn đề.







## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Hội đồng quản trị

STT	Tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	0,29%
2	Ông Nguyễn Điệp Tùng	Thành viên HĐQT	7,77%
3	Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên HĐQT	0,25%
4	Ông Nguyễn Khắc Thành	Thành viên HĐQT độc lập	0,15%
5	Ông Taro Ueno	Thành viên HĐQT	0%
6	Bà Nguyễn Thị Thái Anh	Thành viên HĐQT độc lập	0%

### Cuộc họp HĐQT

STT	Tên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	4/4	100%	
2	Ông Nguyễn Điệp Tùng	4/4	100%	
3	Ông Đỗ Sơn Giang	4/4	100%	
4	Ông Nguyễn Khắc Thành	4/4	100%	
5	Ông Taro Ueno	3/4	75%	Là thành viên HĐQT kể từ ngày 7/4/2020
6	Bà Nguyễn Thị Thái Anh	4/4	100%	
7	Ông Shuzo Shikata	1/4	25%	Miễn nhiệm là thành viên HĐQT kể từ ngày 7/4/2020

## TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã tổ chức họp và có các chỉ đạo kịp thời với các nội dung chính sau:

Thông qua các nội dung của chương trình Đại hội đồng Cổ đông năm 2020;

Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh các quý và cả năm 2020;

Triển khai thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu và bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2019;

Thông qua quy chế kiểm toán nội bộ và nhân sự cho bộ phận kiểm toán nội bộ;

Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Trung giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực phía Nam kể từ ngày 11/03/2020;

Thông qua việc miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Trung thôi giữ chức Giám đốc quản trị rủi ro, bổ nhiệm bà Nguyễn Phương Thảo giữ chức Giám đốc quản trị rủi ro;

Thông qua việc từ nhiệm của ông Nguyễn Điệp Tùng thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023 kể từ ngày 01/08/2020;

Thông qua việc bầu ông Nguyễn Văn Dũng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023 kể từ ngày 01/08/2020;

Thông qua việc miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Trung thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/09/2020.

## ỦY BAN KIỂM TOÁN

Theo Nghị quyết số 01-2020/NQ/ĐHĐCĐ/FPTS ngày 7/4/2020 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020, việc thay đổi mô hình quản trị Công ty và miễn nhiệm 03 thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã được các cổ đông biểu quyết thông qua. Công ty chuyển từ mô hình Ban kiểm soát sang mô hình Ủy ban kiểm toán có hiệu lực từ ngày 7/4/2020

### Danh sách thành viên Ủy ban Kiểm toán

STT	Tên	Chức danh
1	Nguyễn Thị Thái Anh	Trưởng ban
2	Lê Thị Thùy Trang	Thành viên
3	Nguyễn Hà My	Thành viên

## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Ủy ban kiểm toán nội bộ không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty cổ phần chứng khoán FPT.

Ủy ban kiểm toán nội bộ cho rằng các cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện vì vậy kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận năm 2020 khá tốt so với tình hình trong nước và ngoài nước dưới tác động của dịch Covid-19. Ban lãnh đạo Công ty chứng khoán FPT trong năm qua đã tiếp tục chỉ đạo thực hiện xây dựng và hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ tiện ích cho các nhà đầu tư, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch.

Ủy ban kiểm toán nội bộ cho rằng năm 2021, thị trường chứng khoán có thể vẫn diễn biến khó lường vì vậy HĐQT tiếp tục cần có cái nhìn thận trọng, không chủ quan, cần đánh giá kỹ tác động của các chính sách vĩ mô đến thị trường chứng khoán, lường trước các rủi ro để xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và có các hành động phòng ngừa phù hợp, kịp thời, tránh các tổn thất có thể xảy ra trong tương lai.

## SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA ỦY BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Năm 2020, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về việc cung cấp các thông tin cần thiết cho Ủy ban kiểm toán nội bộ.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

### GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY, HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần FPT	Cổ đông lớn	Phí dịch vụ in sổ CNSHCP, phí dịch vụ trả hộ cổ tức, phí lưu ký	149.459.554 VNĐ

## TRONG NĂM 2020, CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KHÔNG NHẬN THÙ LAO





# VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK- GP ngày 13 tháng 7 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 90/UBCK-GPĐCCTCK ngày 04 tháng 12 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 127/UBCK-GP ngày 09 tháng 5 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 26/UBCK-GP ngày 13 tháng 4 năm 2011; Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 6 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 6 năm 2015; Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 6 năm 2016; Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 1 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 6 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 6 năm 2018; Giấy phép điều chỉnh số 34/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 6 năm 2019; Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 7 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Chứng Khoán.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán
- Hoạt động tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Lưu ký và quản lý cổ đông.

Trụ sở chính tại Hà Nội: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

Công ty có 02 chi nhánh:

- **Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh:** Tầng 3, tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- **Chi nhánh Đà Nẵng:** Tầng 3, 4 Tòa nhà Tráng Tiền số 130 Đống Đa, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính:

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Taro Ueno	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Điệp Tùng	Thành viên
Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thái Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Điệp Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>03 – 04</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>05 – 06</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	07 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động riêng năm 2020	11 – 13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm 2020	14 – 16
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2020	17 – 18
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng năm 2020	19 – 45



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

Bà Nguyễn Thị Thu Hương  
Ông Đoàn Trung KiênPhó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng làm công tác kiểm toán cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình thu nhập toàn diện riêng, tình hình tài chính riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty trong năm 2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng, lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty trong năm 2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hà Nội, ngày 23 tháng 2 năm 2021

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
  
Nguyễn Văn Dũng



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: 116/BCKT/TC/2021/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***Về Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT*

**Kính gửi:**

- Các cổ đông
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 kèm theo của **Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT** được lập ngày 23 tháng 2 năm 2021 từ trang 07 đến trang 45, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020; Báo cáo kết quả hoạt động riêng năm 2020; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm 2020; Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng năm 2020.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của **Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT** cho năm 2020 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động riêng, lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT  
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>3.202.937.770.016</b>	<b>2.325.137.952.302</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>3.198.995.076.427</b>	<b>2.322.305.439.018</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	A.7.1	206.365.289.980	50.280.157.184
1.1. Tiền	111.1		96.365.289.980	50.280.157.184
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		110.000.000.000	
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	A.7.3.1	508.640.853.484	470.351.407.947
4. Các khoản cho vay	114	A.7.3.2	2.478.957.442.207	1.803.294.121.910
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	A.7.4	(10.885.622.304)	(10.885.787.729)
7. Các khoản phải thu	117		9.294.630.111	7.204.466.247
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	A.7.5.1	9.294.630.111	7.204.466.247
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		399.189.199	102.088.528
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		8.895.440.912	7.102.377.719
8. Trả trước cho người bán	118		3.097.550.000	215.014.670
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	A.7.5.3	2.389.971.518	1.548.651.357
12. Các khoản phải thu khác	122	A.7.5.5	1.213.611.431	348.007.472
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	A.7.6	(78.650.000)	(50.600.000)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>3.942.693.589</b>	<b>2.832.513.284</b>
1. Tạm ứng	131			
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132	A.7.7	1.412.948.822	951.388.523
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	A.7.8a	1.308.232.311	1.197.635.483
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		108.800.000	8.800.000
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135			291.453.289
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136		1.112.712.456	383.235.989
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)</b>	<b>200</b>		<b>192.785.201.656</b>	<b>198.516.610.364</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>161.251.744.557</b>	<b>166.591.242.016</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	A.7.10	<b>141.868.041.283</b>	<b>147.616.784.289</b>
- Nguyên giá	222		223.308.742.183	218.681.180.749
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(81.440.700.900)	(71.064.396.460)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>			
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	A.7.11	<b>19.383.703.274</b>	<b>18.974.457.727</b>
- Nguyên giá	228		44.504.623.169	43.683.737.761
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(25.120.919.895)	(24.709.280.034)
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>31.533.457.099</b>	<b>31.925.368.348</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		854.750.570	849.750.570
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	A.7.8b	639.866.079	1.056.859.734
4. Tiền nộp quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	A.7.9	30.038.840.450	30.018.758.044
<b>VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	<b>260</b>			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>3.395.722.971.672</b>	<b>2.523.654.562.666</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2021  
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính  
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



Lê Đình Ái

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2018-142-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>1.193.556.748.441</b>	<b>412.633.077.351</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.193.556.748.441</b>	<b>412.633.077.351</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	A.7.28	597.000.000.000	361.500.000.000
1.1. Vay ngắn hạn	312		597.000.000.000	361.500.000.000
1.2. Nợ thuê tài chính ngắn hạn	313			
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	A.7.26	434.560.728	462.956.033
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		1.885.250.000	2.154.775.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	A.7.24	27.228.135.610	12.568.232.385
11. Phải trả người lao động	323		12.594.331.039	7.666.368.000
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		1.181.756.946	953.203.375
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	A.7.25	8.331.945.679	2.820.268.528
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	A.7.27	525.992.345.017	4.921.827.524
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330			
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		18.908.423.422	19.585.446.586
20. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	332			
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>			
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>2.202.166.223.231</b>	<b>2.111.021.485.315</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.202.166.223.231</b>	<b>2.111.021.485.315</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.404.111.445.700	1.404.110.636.400
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.322.673.490.000	1.202.440.510.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		1.322.673.490.000	1.202.440.510.000
b. Cổ phiếu ưu đãi	411.1b			
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		81.443.997.650	201.678.133.850
1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu-Cấu phần vốn	411.3			
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4			
1.5. Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		(6.041.950)	(8.007.450)
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412			
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413			
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		79.358.651.981	69.718.084.750
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		79.356.501.981	69.718.084.750
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	A.7.32	639.339.623.569	567.474.679.415
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		395.337.806.819	293.825.405.020
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		244.001.816.750	273.649.274.388
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>			
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>3.395.722.971.672</b>	<b>2.523.654.562.666</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001			
2. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002			
3. Tài sản nhận thế chấp	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	A.7.12	172.000.000	172.000.000
5. Ngoại tệ các loại	005			
6. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006		132.266.857	120.243.453
7. Cổ phiếu quỹ (số lượng)	007		492	598
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	A.7.13	9.519.680.000	9.555.710.000
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009			
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010	A.7.14	47.050.000	2.690.000
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	A.7.15	128.671.550.000	58.667.300.000
13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013	A.7.16	830.000	760.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	A.7.17	19.296.232.427.150	17.473.934.757.810
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		17.329.776.234.240	16.235.997.645.250
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		226.017.430.000	154.923.690.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		954.823.470.000	881.652.450.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		1.226.000.000	1.226.000.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		784.389.292.910	200.134.972.560
f. Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6			
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	A.7.18	99.362.910.000	83.371.640.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		8.549.090.000	10.601.270.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		90.813.820.000	72.770.370.000
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3			
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4			
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	A.7.19	752.515.068.130	177.202.904.280
4. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	024.a			
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b			
6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025	A.7.20	35.172.740.000	1.366.090.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**  
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
7. Tiền gửi của khách hàng	026		3.069.056.828.963	828.993.222.175
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	A.7.21	3.057.660.225.224	826.920.717.575
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028			
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029			
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1			
b. Tiền gửi Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2			
7.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	A.7.22	11.396.603.739	2.072.504.600
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	A.7.29	3.057.660.225.224	826.920.717.575
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		3.033.703.064.475	816.723.196.075
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		23.957.160.749	10.197.521.500
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032			
10. Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	033			
11. Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	034			
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		11.396.603.739	2.072.504.600

Hà Nội ngày 23 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc







Nguyễn Thị Sơn

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Văn Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**  
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**  
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		(7.846.215.500)	59.148.750.492
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	B7.33.1	4.145.753.900	163.567.392
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ *	01.2	B7.33.2	(29.699.638.605)	21.430.158.174
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	B7.33.3.1	17.707.669.205	37.555.024.926
d. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	01.4			
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02			
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	B7.33.3.3	189.864.272.706	201.887.106.543
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04			
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05			
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	06		193.888.672.180	99.703.090.847
1.7. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07			
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		627.071.440	179.082.453
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		8.629.355.238	8.623.537.970
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		18.272.163.314	16.871.207.770
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	B7.33.4	100.144.556	232.549.760
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 1-&gt;11)</b>	<b>20</b>		<b>403.535.463.934</b>	<b>386.645.325.835</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		(7.884.912)	5.512.139
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	B7.33.1	44.296.055	59.754.082
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL*	21.2	B7.33.2	(52.180.967)	(54.241.943)
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tồn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	B7.35	19.575.194.161	21.326.065.090
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		30.634.619	2.162.472
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	B7.35	102.339.002.825	66.204.214.490
2.9. Chi phí nghiệp vụ đầu tư chứng khoán	29	B7.35	524.976.743	156.398.720
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	B7.35	11.944.280.170	10.665.166.105
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	B7.35	8.851.159.688	9.215.114.524
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32			
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21-&gt;32)</b>	<b>40</b>		<b>143.257.363.294</b>	<b>107.574.633.540</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG  
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41			
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định	42	B7.34	11.904.614.479	27.926.525.430
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 + 42)	50		11.904.614.479	27.926.525.430
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51			
4.2. Chi phí lãi vay	52			
4.4. Chi phí tài chính khác	55			
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 + 52 + 55)	60			
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	61			
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	62	B7.36	53.194.398.404	52.058.406.833
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)</b>	70		218.988.316.715	254.938.810.892
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Thu nhập khác	71	B7.37	24.033.102.122	16.622.469.177
8.2. Chi phí khác	72	B7.38	22.417.403.483	16.338.256.780
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		1.615.698.639	284.212.397
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)</b>	90		220.604.015.354	255.223.023.289
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		250.251.472.992	233.738.623.172
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(29.647.457.638)	21.484.400.117
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	100		50.054.776.776	40.927.278.553
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	B7.39	50.054.776.776	40.927.278.553
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2			
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	200		170.549.238.578	214.295.744.736
<b>XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	300			
12.1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301			
12.2. Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	302			
12.3. Lãi (lỗ) đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý công ty	303			
12.4. Lãi/(Lỗ) toàn diện khác	304			
<b>Tổng thu nhập toàn diện</b>	400			

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG  
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	500			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu) (*)	501	B7.40	1.286	1.622
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		1.286	1.622

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Sơn

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hương

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT  
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		220.604.015.354	255.223.023.289
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>	<b>02</b>		<b>10.305.863.131</b>	<b>17.140.318.224</b>
- Khấu hao TSCĐ	03		12.071.223.567	12.711.694.500
- Các khoản dự phòng	04		27.884.575	33.956.619
- Chi phí lãi vay	06			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(181.818)	
- Dự thu tiền lãi	08		(1.793.063.193)	4.394.667.405
- Các khoản điều chỉnh khác	09			
<b>3. Tăng các chi phí phi tiền tệ</b>	<b>10</b>		<b>(52.180.967)</b>	<b>(54.241.943)</b>
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		(52.180.967)	(54.241.943)
<b>4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>	<b>18</b>		<b>29.699.638.605</b>	<b>(21.430.158.174)</b>
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		29.699.638.605	(21.430.158.174)
<b>5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>30</b>		<b>(273.523.453.837)</b>	<b>(484.084.809.839)</b>
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31		(67.936.903.175)	(180.113.627.952)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(675.663.320.297)	(242.571.443.366)
- Tăng giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(297.100.671)	(1.539.487)
- Tăng giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(841.320.161)	(145.023.168)
- Tăng giảm các khoản phải thu khác	39		(4.186.162.507)	872.581.232
- Tăng giảm các tài sản khác	40		(461.560.299)	797.820.419
- Tăng giảm chi phí phải trả (không bao gồm lãi vay)	41		5.511.677.151	(2.941.200.890)
- Tăng giảm chi phí trả trước	42		306.396.827	181.005.857
- Thuế TNDN đã nộp	43		(46.134.573.041)	(41.733.033.977)
- Lãi vay đã trả	44			
- Tăng giảm các khoản phải trả cho người bán	45		(28.395.305)	324.927.150
- Tăng giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		228.553.571	33.909.513
- Tăng giảm thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Không bao gồm Thuế TNDN đã nộp)	47		10.739.699.490	(763.892.650)
- Tăng giảm phải trả người lao động	48		4.927.963.039	(2.651.154.364)
- Tăng giảm phải trả phải nộp khác	50		520.396.981.493	707.815.472
- Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh	51			1.250.000
- Tiền chi từ các hoạt động kinh doanh	52		(20.085.389.952)	(16.083.203.624)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		<b>(12.966.117.714)</b>	<b>(233.205.868.443)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT  
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(6.731.726.108)	(4.373.901.230)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		181.818	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>		<b>(6.731.544.290)</b>	<b>(4.373.901.230)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		7.980.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành	72		(7.170.700)	(4.418.850)
3. Tiền vay gốc	73		2.313.000.000.000	1.448.950.000.000
3.1. Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1			
3.2. Tiền vay khác	73.2		2.313.000.000.000	1.448.950.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(2.077.500.000.000)	(1.564.650.000.000)
4.1. Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1			
4.2. Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2			
4.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(2.077.500.000.000)	(1.564.650.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	75			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		(59.718.014.500)	(54.490.714.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>80</b>		<b>175.782.794.800</b>	<b>(170.195.132.850)</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>90</b>		<b>156.085.132.796</b>	<b>(407.774.902.523)</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>101</b>		<b>50.280.157.184</b>	<b>458.055.059.707</b>
- Tiền	101.1		50.280.157.184	218.055.059.707
- Các khoản tương đương tiền	101.2			240.000.000.000
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>103</b>		<b>206.365.289.980</b>	<b>50.280.157.184</b>
- Tiền	103.1		96.365.289.980	50.280.157.184
- Các khoản tương đương tiền	103.2		110.000.000.000	
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104			



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**  
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	1		70.382.155.535.200	32.737.310.920.300
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	2		(69.078.096.971.980)	(32.112.557.741.080)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	7		936.247.936.980	(761.637.576.382)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(9.566.992.551)	(6.299.795.302)
12. Thu lãi giao dịch chứng khoán	12			
13. Chi lãi giao dịch chứng khoán	13			
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		998.646.512.800	933.277.762.954
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(989.322.413.661)	(933.297.951.879)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>		<b>2.240.063.606.788</b>	<b>(143.204.381.389)</b>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>				
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31			
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		826.920.717.575	970.104.910.039
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		2.072.504.600	2.092.693.525
Trong đó có kỳ hạn				
Các khoản tương đương tiền	36			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37			
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>		<b>3.069.056.828.963</b>	<b>828.993.222.175</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41			
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	C7.41	3.057.660.225.224	826.920.717.575
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	C7.41	11.396.603.739	2.072.504.600
Trong đó có kỳ hạn				
Các khoản tương đương tiền	46			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47			

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Sơn

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Thu Hương

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2021  
  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**

Năm 2020

CHỈ TIÊU	TM	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm trong năm			Số dư cuối năm		
		Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay		Năm trước	Năm nay	
					Tăng	Giảm			Tăng
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>	<b>A</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.294.815.013.850	1.404.118.643.850	109.303.630.000	-	120.232.980.000	120.234.136.200	1.404.118.643.850	1.404.117.487
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.093.136.880.000	1.202.440.510.000	109.303.630.000	-	120.232.980.000	-	1.202.440.510.000	1.322.673.494
1.2. Cổ phiếu ưu đãi		-	-	-	-	-	-	-	-
1.3. Thặng dư vốn cổ phần (*)		201.678.133.850	201.678.133.850	-	-	120.234.136.200	-	201.678.133.850	81.443.997
1.4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - cấu phần vốn		-	-	-	-	-	-	-	-
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
2. Cổ phiếu quỹ		(3.588.600)	(8.007.450)	(4.418.850)	-	(7.170.700)	(9.136.200)	(8.007.450)	(6.041)
3. Quỹ dự trữ vốn điều lệ		57.823.247.889	69.718.084.750	11.894.836.861	-	9.640.567.231	-	69.718.084.750	79.358.651
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		57.823.247.889	69.718.084.750	11.894.836.861	-	9.640.567.231	2.150.000	69.718.084.750	79.356.501
5. Chính sách đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chính sách lý giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối		564.718.581.122	567.474.679.415	315.964.013.308	313.207.915.015	306.906.911.560	235.041.967.405	567.474.679.415	639.339.621
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (**)		312.553.706.851	293.825.405.027	192.811.344.619	211.539.646.443	200.196.696.216	98.684.294.424	293.825.405.027	395.337.800
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		252.164.874.271	273.649.274.388	123.152.668.689	101.668.268.572	106.710.215.344	136.357.672.982	273.649.274.388	244.001.811
<b>Cộng</b>		<b>1.975.176.502.150</b>	<b>2.111.021.485.315</b>	<b>449.052.898.180</b>	<b>313.207.915.015</b>	<b>446.413.855.322</b>	<b>355.269.117.406</b>	<b>2.111.021.485.315</b>	<b>2.202.166.221</b>
<b>II. Thu nhập toàn diện khác</b>									
<b>Cộng</b>									

Đơn vị tính: VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**  
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**Ghi chú:**  
(\*) *Khoản giám của thặng dư vốn cổ phần:*

- Phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (Thặng dư vốn cổ phần) theo Nghị quyết số 01-2020/NQ/DHCD/FPTS ngày 07/04/2020 của DHCD thường niên năm 2020 với số tiền là: 120.232.980.000 đồng.

(\*\*) *Khoản giám của lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối trong kỳ này:*

- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết số 01-2020/NQ/DHCD/FPTS ngày 07/04/2020 của DHCD thường niên năm 2020 như sau:

- + Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ 9.640.567.231
- + Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 9.640.567.231
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi 19.281.134.462
- Có tức 2019 chia cho các cổ đông 60.122.025.500
- + Có tức trả cổ đông bằng tiền mặt
- + Có tức trả cổ đông bằng cổ phiếu

**Tổng cộng**

**98.684.294.424**



Người lập biểu  
*[Signature]*  
Nguyễn Thị Sơn

Kế toán trưởng  
*[Signature]*  
Nguyễn Thị Thu Hương

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Năm 2020

**1. Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán**

**1.1. Giấy phép thành lập và hoạt động của CTCK:**

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK-GP ngày 13 tháng 7 năm 2007; ; Giấy phép điều chỉnh số 90/UBCK-GPĐCCTCK ngày 04 tháng 12 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 127/UBCK-GP ngày 09 tháng 5 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 26/UBCK-GP ngày 13 tháng 4 năm 2011; Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 06 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 06 năm 2015; Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 06 năm 2016; Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 01 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 06 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 6 năm 2018; Giấy phép điều chỉnh số 34/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 6 năm 2019; Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 7 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp.

**1.2. Địa chỉ liên hệ của CTCK:**

Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

**1.3. Điều lệ hoạt động CTCK ban hành tháng 7/2007 và sửa đổi theo Nghị Quyết ĐHDCĐ ngày 07/04/2020 và sửa đổi phụ lục 01 của điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC-UBCK ngày 08/07/2020.**

**1.4. Những đặc điểm chính về hoạt động CTCK:**

- Quy mô vốn CTCK:

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày lập báo cáo là 1.322.673.490.000 đồng (Một nghìn ba trăm hai mươi hai tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

- Hạn chế đầu tư: Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 về thành lập công ty chứng khoán, Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 210/2012/TT-BTC.

- Cấu trúc Công ty chứng khoán:

. Danh sách các công ty con: Không có

. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết: Không có

. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: Không có

- Danh sách chi nhánh:

Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh: Tầng 3, tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chi nhánh Đà Nẵng: Tầng 3, 4 Tòa nhà Trảng Tiễn số 130 Đống Đa, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.

**2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

**2.1. Kỳ kế toán:**

a. Năm tài chính hàng năm của CTCK bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.****3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**3.1. Chế độ kế toán áp dụng:** Chế độ kế toán CTCK ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:** Thực hiện kế toán CTCK trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ kế toán CTCK ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**3.3. Hình thức kế toán áp dụng:** Nhật ký chung.

**4. Các chính sách kế toán áp dụng****4.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****4.1.1. Ghi nhận vốn bằng tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm toàn bộ số tiền hiện có của công ty (tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng), các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

**4.1.2. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:**

Thực hiện theo quy định hiện hành về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỉ giá trong việc quy đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

**4.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính:**

**4.2.1. Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc Danh mục đầu tư của CTCK (tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán):**

**4.2.1.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính: (FVTPL, HTM, Các khoản cho vay, AFS)**

Việc phân loại Tài sản tài chính thực hiện theo Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

**4.2.1.2 Nguyên tắc phân loại nợ tài chính: (Nợ vay, nợ vay tài sản tài chính, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu phát hành, nợ thuế tài sản tài chính, phải trả người bán, các khoản nợ phải trả phát sinh trong hoạt động kinh doanh chứng khoán)**

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

**4.2.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị thị trường) (tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật chứng khoán) hoặc giá gốc:**

Luật kế toán số 88/2015/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, theo đó đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

4.2.2.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua không bao gồm các chi phí phát sinh trực tiếp từ việc mua tài sản tài chính này). Các chi phí mua

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

(phí môi giới, phí giao dịch...) được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động riêng ngay khi phát sinh.

Cuối kỳ kế toán, các tài sản tài chính FVTPL được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý. Số chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng ở khoản mục "Chênh lệch tăng do đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ" và khoản mục "Chênh lệch giảm do đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ".

4.2.2.2 Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM: được xác định giá trị ban đầu theo giá trị cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua hoặc phát sinh các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực và được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Việc đánh giá khả năng suy giảm giá trị cuối kỳ kế toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.2.2.3 Các khoản cho vay: được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực và được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng suy giảm các khoản cho vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.2.2.4 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS: được xác định giá trị ban đầu theo giá mua cộng các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua tài sản tài chính này. Cuối kỳ kế toán, tài sản tài chính AFS được xác định lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS theo giá thị trường hoặc giá hợp lý được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu (Kết quả hoạt động riêng khác) tại chi tiêu "Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán".

**4.2.3. Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính.****4.2.4. Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính**

TSTC được dừng ghi nhận khi quyền nhận được luồng tiền từ TSTC hết hạn hoặc khi chuyển giao TSTC cùng với phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó cho đơn vị khác. Nợ tài chính được dừng ghi nhận khi và chỉ khi nghĩa vụ của đơn vị đã được miễn, hủy hoặc hết hạn.

**4.2.5. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính**

Tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính, đơn vị thực hiện đánh giá các dấu hiệu liên quan đến suy giảm giá trị một tài sản hoặc một nhóm các khoản đầu tư để thực hiện lập dự phòng theo quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

Đối với các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, Công ty thực hiện trích lập dự phòng cho những khoản vay giao dịch ký quỹ có giá trị tài sản đảm bảo nhỏ hơn nợ gốc.

Dự phòng cụ thể được xác định = (Số dư các khoản cho vay – Giá trị tài sản đảm bảo) x 100%. Giá trị tài sản đảm bảo được xác định = Số lượng chứng khoán đảm bảo khoản vay x giá thị trường của chứng khoán tại thời điểm lập dự Phòng.

Trong đó giá thị trường của chứng khoán được trình bày tại điểm 4.2.6.

**4.2.6. Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính**

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch: Giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

- Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá.

**4.2.7. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp:** Không phát sinh

**4.2.8. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về tình hình Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản đầu tư của CTCK có phát sinh cổ tức, tiền lãi**

Đơn vị thực hiện đánh giá khả năng bị tổn thất không thể thu hồi và mức độ rủi ro để lập dự phòng theo quy định. Việc lập dự phòng phải thu khó đòi sẽ thực hiện theo hướng dẫn của nhóm phải thu trình bày tại điểm 4.10.3.

**4.2.9. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư nhận thế chấp (Tài khoản không trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính):** Không phát sinh.

**4.3. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:** Không phát sinh.

**4.4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình:**

Tài sản cố định (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình) được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng.

**4.5. Khấu hao và hao mòn:**

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 6-25 năm

- Máy móc thiết bị: 3 năm

- Phương tiện vận chuyển: 6 năm

- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 3-7 năm

- Phần mềm: 3-5 năm

- Quyền sử dụng đất:

+ Quyền sử dụng đất lâu dài: không có khấu hao

+ Quyền sử dụng đất thuê có thời hạn: khấu hao theo thời gian được phép sử dụng đất.

- Tài sản cố định vô hình: 2-3 năm

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**4.6. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về sự suy giảm giá trị của tài sản phi tiền tệ:** Không phát sinh.

**4.7. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính:** Không phát sinh.

**4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Công ty con, công ty liên doanh, liên kết):** Không phát sinh.

**4.9. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn**

Theo dõi chi tiết từng khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược của từng khách hàng theo kỳ hạn và theo từng loại nguyên tệ. Các khoản nhận ký cược, ký quỹ phải trả có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được trình bày là nợ ngắn hạn, các khoản có kỳ hạn trên 12 tháng được trình bày là nợ dài hạn.

**4.10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn:**

**4.10.1. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu về tài sản tài chính:**

Được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, ghi chép theo từng giao dịch và từng lần thanh toán.

**4.10.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu khác:**

Được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán.

**4.10.3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi:**

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

**4.11. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn:**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

**4.12. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu của CTCK:**

**4.12.1. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là số vốn góp theo Điều lệ công ty mà các thành viên góp vốn, cổ đông của công ty đã thực góp theo tiến độ, kế hoạch góp vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và số vốn huy động của các lần tiếp theo phù hợp với Điều lệ của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**4.12.2. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận CTCK:****a. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận đã thực hiện:**

Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng của công ty lũy kế phát sinh trong kỳ.

**b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa thực hiện:**

Là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các TSTC FVTPL hoặc TSTC khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động riêng thuộc danh mục TSTC lũy kế phát sinh trong kỳ.

**4.12.3. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái: Tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Tài chính về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái.**

**a. Chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện trong kỳ:**

Là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch bằng ngoại tệ.

**b. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ:**

Là chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

**4.12.4. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận của CTCK: (cho cổ đông hoặc thành viên góp vốn, các quỹ của CTCK).**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

**4.13. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập CTCK:**

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền

Thực hiện ghi nhận doanh thu, thu nhập từ hoạt động tự doanh các TSTC, doanh thu cung cấp dịch vụ theo quy định của các Chuẩn mực doanh thu và Chuẩn mực các công cụ tài chính có liên quan và các hướng dẫn tại Thông Tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL: được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính:

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Đối với cổ phiếu thương, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Doanh thu tiền lãi từ các tài sản tài chính được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích tính theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

- Lãi từ các khoản cho vay: Là khoản lãi phải thu từ khách hàng sử dụng dịch vụ cho vay giao dịch ký quỹ, cho vay giao dịch ứng trước của công ty cung cấp trong kỳ.

- Doanh thu môi giới chứng khoán: Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng trên cơ sở phí môi giới mà Nhà đầu tư phải trả cho công ty khi giao dịch chứng khoán được thực hiện theo lệnh của Nhà đầu tư và các loại phí thu được từ các nghiệp vụ môi giới chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán.

- Doanh thu hoạt động tư vấn: Bao gồm tư vấn đầu tư chứng khoán và doanh thu tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn tài chính và hoàn thiện doanh nghiệp (tư vấn niêm yết, phát hành, hoàn thiện doanh nghiệp ...) Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã thực hiện.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

- Doanh thu lưu ký: Là khoản phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán thu được của khách hàng khi công ty cung cấp các dịch vụ về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán như đăng ký, lưu ký, chuyển khoản, chuyển quyền sở hữu chứng khoán ... đã hoàn thành.

**4.14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính:**

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán công ty chứng khoán theo Thông Tư 210/2014TT-BTC, Thông tư 334/2016/TT-BTC và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

**4.15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý CTCK:**

Chi phí thực tế đã phát sinh và các khoản dự chi (nếu có) có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý trong kỳ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

**4.16. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác, chi phí khác:****a. Ghi nhận thu nhập khác:**

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động kinh doanh, đầu tư của CTCK phát sinh trong kỳ.

**b. Ghi nhận chi phí khác:**

Các khoản chi phí khác ngoài các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đầu tư các TSTC.

**4.17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành:**

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

**4.18. Các nguyên tắc và chính sách kế toán khác:**

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

**4.19. Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày trên Báo cáo tài chính về tài sản và nợ phải trả khách hàng**

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

**4.20. Báo cáo bộ phận:**

Công ty theo dõi doanh thu hoạt động kinh doanh theo từng hoạt động kinh doanh chứng khoán (Hoạt động môi giới chứng khoán; Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn; Hoạt động lưu ký chứng khoán; Hoạt động tư vấn; ...), hoạt động tài chính.

Công ty quản lý chi phí theo từng hoạt động kinh doanh và khoản mục chi phí.

Đối với tài sản, Công ty không phân bổ theo từng lĩnh vực kinh doanh mà quản lý tập trung ở Trụ sở chính - Hà Nội. Đối với nợ phải trả, Công ty chịu trách nhiệm thanh toán và quản lý rủi ro chung.

**5. Quản trị về rủi ro tài chính đối với CTCK****5.1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK:**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

**5.2. Rủi ro tín dụng:**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Việc cấp tín dụng, hỗ trợ vốn lớn cho một khách hàng có liên quan có thể dẫn đến việc không thu hồi đủ tiền vay, lãi vay hoặc khả năng thanh toán của FPTS khi khách hàng đó gặp vấn đề về khả năng thanh toán. Vì vậy FPTS đã ban hành quy định Hạn mức cung ứng, hỗ



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

trợ vốn tối đa cho một khách hàng đảm bảo an toàn cho FPTS dựa trên cập nhật liên tục về năng lực tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng.

Rủi ro Mã chứng khoán: Khi các mã chứng khoán là tài sản đảm bảo cho các khoản vay giảm giá quá nhanh, thậm chí mất hết giá trị hoặc không đủ thanh khoản thì FPTS có thể không bán được chứng khoán để thu hồi đủ tiền vay và lãi vay. Vì vậy các mã chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo thực hiện theo quy định về giao dịch ký quỹ của các sở giao dịch chứng khoán.

**5.3. Rủi ro thanh khoản:**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng về tiền nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**5.4. Rủi ro thị trường:**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất, giá chứng khoán và thanh khoản thị trường.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi lãi suất của thị trường khi công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích tình hình và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong kỳ để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản tiền gửi, hạn mức, lãi suất cho vay giao dịch ký quỹ để có được mức lãi suất hợp lý và có thể cạnh tranh trên thị trường.

**Quản lý rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường**

Các chứng khoán Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, lựa chọn danh mục đầu tư, phân cấp thẩm quyền xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư... Do giá trị chứng khoán Công ty nắm giữ không nhiều chủ yếu từ việc mua chứng khoán lẻ lẻ vì vậy Công ty đánh giá rủi ro về giá cũng như thanh khoản thị trường đối với chứng khoán tự doanh là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường đối với các khoản cho nhà đầu tư vay giao dịch ký quỹ. Khi các mã chứng khoán là tài sản đảm bảo cho các khoản vay liên tục giảm giá có thể dẫn đến việc không thu hồi đủ tiền vay, lãi vay của FPTS nếu chậm thu hồi vốn. Nếu thị trường không đủ thanh khoản hoặc mã chứng khoán đó không đủ thanh khoản thì FPTS có thể không bán được chứng khoán để thu hồi đủ tiền vay và lãi vay. Vì vậy FPTS đã xây dựng quy định quản lý rủi ro riêng cho các giao dịch ký quỹ, xác định tỷ lệ cho vay trên giá trị tài sản đảm bảo một cách hợp lý. Ngoài ra FPTS đã xây dựng phần mềm quản lý, quy định mức cảnh báo, xử lý tự động trong các giao dịch Margin giúp FPTS thực hiện quản lý và bán chứng khoán là tài sản đảm bảo ngay khi giá chứng khoán xuống đến một mức nhất định để đảm bảo an toàn cho FPTS.

**6. Các chính sách định giá các tài sản tài chính thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK**

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**7. Thông tin bổ sung cho các Báo cáo tài chính****A. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính****A.7.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	141.285.440	232.515.213
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	96.224.004.540	50.047.641.971
- Các khoản tương đương tiền	110.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>206.365.289.980</b>	<b>50.280.157.184</b>

**A.7.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện năm 2020	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm 2020
<b>a) Cửa CTCK</b>		
- Cổ phiếu	217.827	4.201.300.520
- Trái phiếu	4.000.000	497.016.000.000
- Chứng khoán ngắn hạn	1.294	15.150.700
<b>Cộng</b>	<b>4.219.121</b>	<b>501.232.451.220</b>
<b>b) Cửa Nhà đầu tư</b>		
- Cổ phiếu	9.982.904.628	138.769.555.347.920
- Trái phiếu	8.760.000	880.747.970.000
- Chứng khoán khác	246.387.800	404.119.815.300
<b>Cộng</b>	<b>10.238.052.428</b>	<b>140.054.423.133.220</b>

**A.7.3. Các loại tài sản tài chính****7.3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):**

Tài sản FVTPL	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết, đăng ký GD	14.628.932.563	258.630.749.313	14.695.643.726	288.344.918.114
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.010.104.171	2.010.104.171	2.006.489.833	2.006.489.833
Trái phiếu chưa niêm yết	70.000.000.000	70.000.000.000		
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	178.000.000.000	178.000.000.000	180.000.000.000	180.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>264.639.036.734</b>	<b>508.640.853.484</b>	<b>196.702.133.559</b>	<b>470.351.407.947</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**  
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**7.3.2 Các khoản cho vay và phải thu**

Khoản cho vay và phải thu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động ký quỹ	2.223.220.795.799	2.212.335.173.495	1.708.255.790.726	1.697.370.002.997
Cho vay nghiệp vụ ứng trước	255.727.112.342	255.727.112.342	95.034.081.484	95.034.081.484
Cho vay hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh	9.534.066	9.534.066	4.249.700	4.249.700
<b>Cộng các khoản cho vay</b>	<b>2.478.957.442.207</b>	<b>2.468.071.819.903</b>	<b>1.803.294.121.910</b>	<b>1.792.408.334.181</b>

(\*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

A.7.3.3 Về tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị ghi sổ (đối với các khoản đầu tư không có giá trị thị trường) cuối kỳ:

Bảng tình hình biến động giá trị thị trường hoặc giá trị 4 loại tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của CTCK

STT	Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm				Giá trị gốc	
		Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này	Giá trị đánh giá lại		Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ trước	Giá trị đánh giá lại			
				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm		
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6)
1	FVTPL	16.639.936.734	260.640.853.484	244.072.379.960	70.563.210	260.640.853.484	16.702.133.539	290.551.407.947	273.772.018.565	122.744.177	290.551
1.1	Cổ phiếu	14.628.932.563	258.630.749.313	244.072.379.960	70.563.210	258.630.749.313	14.095.643.726	288.344.918.114	273.772.018.565	122.744.177	288.344
	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký GD	13.450.000.000	257.256.000.000	243.806.000.000		257.256.000.000	13.450.000.000	287.064.000.000	273.614.000.000		287.064
	MSH - Công ty cổ phần Máy Sóng Hồng										
	Cổ phiếu niêm yết khác	1.178.932.563	1.374.749.313	266.379.960	70.563.210	1.374.749.313	1.245.643.726	1.280.918.114	158.018.565	122.744.177	1.280
1.2	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.010.104.171	2.010.104.171			2.010.104.171	2.066.489.833	2.006.489.833			2.006
	CTCK - CTCP đầu tư xây dựng số 8	2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000			2.000
	Cổ phiếu chưa niêm yết khác	10.104.171	10.104.171			10.104.171	6.489.833	6.489.833			6
2	Trái phiếu	78.000.000.000	78.000.000.000			78.000.000.000					
	CTG2028T202- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	50.000.000.000	50.000.000.000			50.000.000.000					
	CTG2030T201- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000			20.000.000.000					
J	Tiền gửi có kỳ hạn cố định	178.000.000.000	178.000.000.000			178.000.000.000	180.000.000.000	180.000.000.000			180.000
4	Chứng quyền										
II	APS										
	Cộng	264.639.036.734	508.640.853.484	244.072.379.960	70.563.210	508.640.853.484	196.702.133.539	470.351.407.947	273.772.018.565	122.744.177	470.351

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa của các cổ phiếu trên thị trường tại ngày 31/12/2020 trên sản giao dịch chứng khoán. Công ty không thực hiện đánh giá lại các cổ phiếu ch yết tại thời điểm 31/12/2020 vì không có đủ thông tin tin cậy về giá thị trường của các cổ phiếu này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A. 7.4. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp**

Dự phòng giảm giá tài sản tài chính

Dự phòng suy giảm - Cho vay hoạt động kỳ quỹ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá tài sản tài chính	(10.885.622.304)	(10.885.787.729)
Dự phòng suy giảm - Cho vay hoạt động kỳ quỹ	(10.885.622.304)	(10.885.787.729)
<b>Cộng</b>		

**A. 7.5. Các khoản phải thu****A. 7.5.1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư**

- Phải thu tiền lãi - giao dịch ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư

- Dự thu phí giao dịch kỳ quỹ và lãi các khoản tiền gửi có kỳ hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu tiền lãi - giao dịch ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư	399.189.199	102.088.528
- Dự thu phí giao dịch kỳ quỹ và lãi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	8.895.440.912	7.102.377.719
<b>Cộng</b>	<b>9.294.630.111</b>	<b>7.204.466.247</b>

**A. 7.5.2. Phải thu hoạt động Margin**

2.223.220.795.799 1.708.255.790.726

**A. 7.5.3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp**

7.5.3.1 Phải thu phí môi giới chứng khoán qua các Sở GD

7.5.3.2 Phải thu phí môi giới chứng khoán không qua các Sở GD

7.5.3.3 Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư CK

7.5.3.4 Phải thu hoạt động tư vấn khác

7.5.3.5 Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán

7.5.3.6 Phải thu dịch vụ khác

2.389.971.518 1.548.651.357

1.510.771.518 447.381.357

879.200.000 1.101.259.000

11.000

**A. 7.5.4. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán****A. 7.5.5. Phải thu khác**

1.213.611.431 348.007.472

**A. 7.6. Dự phòng phải thu khó đòi**

CTCK phải thuyết minh chi tiết về loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng (chi tiết theo loại, nhóm, đối tượng phải thu khó đòi)

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Số cuối năm				Số đầu năm	
			Tham chiếu	Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm		Số cuối năm
1	Dự phòng khó đòi phải thu bán các tài sản tài chính							
2	Dự phòng khó đòi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn							
3	Dự phòng nợ phải thu các khoản đầu tư đáo hạn							
4	Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	122.100.000		50.600.000	28.050.000		78.650.000	50.600.000
	Công ty Cổ phần Lisemco	71.500.000		35.750.000	14.300.000		50.050.000	35.750.000
	Công ty cổ phần Máy Phú Thành	13.200.000		6.600.000	2.640.000		9.240.000	6.600.000
	Công ty Cổ phần Thương Quảng Ninh	7.700.000			3.850.000		3.850.000	
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư EDX	16.500.000		8.250.000	3.300.000		11.550.000	8.250.000
	Công ty cổ phần Tương mại Hà Tây	13.200.000			3.960.000		3.960.000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.7. Hàng tồn kho**

- Vật tư văn phòng

**Cộng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vật tư văn phòng	1.412.948.822	951.388.523
<b>Cộng</b>	<b>1.412.948.822</b>	<b>951.388.523</b>

**A.7.8. Chi phí trả trước**

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

(bao gồm: CP đường truyền, quản lý thành viên và kết nối hai sở, bảo hành bảo trì phần mềm thiết bị...)

b. Chi phí trả trước dài hạn

(bao gồm: CP đường truyền, phần mềm kĩ số, sửa chữa nhà cửa...)

**Cộng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	1.308.232.311	1.197.635.483
(bao gồm: CP đường truyền, quản lý thành viên và kết nối hai sở, bảo hành bảo trì phần mềm thiết bị...)	1.308.232.311	1.197.635.483
b. Chi phí trả trước dài hạn	639.866.079	1.056.859.734
(bao gồm: CP đường truyền, phần mềm kĩ số, sửa chữa nhà cửa...)	639.866.079	1.056.859.734
<b>Cộng</b>	<b>1.948.098.390</b>	<b>2.254.495.217</b>

**A.7.9. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán**

- Tiền nộp ban đầu

- Tiền nộp bổ sung

- Tiền lãi phân bổ trong kỳ

**Cộng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền nộp ban đầu	10.120.000.000	10.120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	14.482.731.824	14.482.731.824
- Tiền lãi phân bổ trong kỳ	5.436.108.626	5.416.026.220
<b>Cộng</b>	<b>30.038.840.450</b>	<b>30.018.758.044</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	161.666.742.666	1.657.468.000	2.323.000.000	53.033.970.083	218.681.180.749
- Mua trong năm				5.910.840.700	5.910.840.700
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán	1.077.758.219			205.521.047	1.283.279.266
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối năm</b>	160.588.984.447	1.657.468.000	2.323.000.000	58.739.289.736	223.308.742.183
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	23.852.848.318	518.060.169	995.571.432	45.697.916.541	71.064.396.460
- Khấu hao trong năm	6.426.464.844	276.244.668	331.857.144	4.625.017.050	11.659.583.706
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán	1.077.758.219			205.521.047	1.283.279.266
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối năm</b>	29.201.554.943	794.304.837	1.327.428.576	50.117.412.544	81.440.700.900
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
- Tại ngày đầu năm	137.813.894.348	1.139.407.831	1.327.428.568	7.336.053.542	147.616.784.289
- Tại ngày cuối năm	131.387.429.504	863.163.163	995.571.424	8.621.877.192	141.868.041.283
<b>Đánh giá theo giá trị hợp lý</b>					

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 63.341.530.868 đồng;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý;
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình;

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.11. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình nhân mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	19.257.558.796	7.470.599.280	16.588.002.785	367.576.900	43.683.737.761
- Mua trong năm		708.190.863	112.694.545		820.885.408
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					
- Tạo ra từ nội bộ Công ty					
- Tăng do hợp nhất kinh doanh					
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối năm</b>	19.257.558.796	8.178.790.143	16.700.697.330	367.576.900	44.504.623.169
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	395.149.361	7.358.550.988	16.588.002.785	367.576.900	24.709.280.034
- Khấu hao trong năm	131.716.452	276.793.005	3.130.404	-	411.639.861
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối năm</b>	526.865.813	7.635.343.993	16.591.133.189	367.576.900	25.120.919.895
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>					
- Tại ngày đầu năm	18.862.409.435	112.048.292			18.974.457.727
- Tại ngày cuối năm	18.730.692.983	543.446.150	109.564.141		19.383.703.274
<b>Đánh giá theo giá trị hợp lý</b>					

**Ghi chú (\*):** Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất nhà FPTS Chi nhánh Đà Nẵng - 100 Quang Trung, Tp. Đà Nẵng (diện tích 144m<sup>2</sup> theo hợp đồng mua bán quyền sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/06/2013. Giá trị quyền sử dụng đất này được ghi nhận căn cứ theo thông báo nộp thuế TNCN số 1745/TB-TNCN của Cục thuế TP.Đà Nẵng đối với bên bán ngày 09/08/2013). 8.800.000.000
- Giá trị quyền sử dụng đất nhà FPTS Chi nhánh Hồ Chí Minh - Tầng 3, tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (bao gồm diện tích đất sử dụng chung là 944 m<sup>2</sup> và diện tích tầng 3 sử dụng riêng là 620,7 m<sup>2</sup>, theo hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất số 66/HĐ-BTL ngày 17/12/2013 giữa Công ty CP Đầu tư Địa Ốc Bến Thành và Công ty CP Chứng Khoán FPT). 4.691.451.796
- Giá trị quyền sử dụng đất trụ sở FPTS Hà Nội - Số 52, đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội (tổng diện tích 941,73 m<sup>2</sup>, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13/07/2016 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất số CT 00587 cấp ngày 06/08/2014. 5.766.107.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

A.7.12. Nợ khó đòi đã xử lý	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải thu khó đòi đã xử lý		
Công ty cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Shinpec	172.000.000	172.000.000
<b>Cộng</b>	<b>172.000.000</b>	<b>172.000.000</b>
<b>A.7.13. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK</b>		
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1.Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	9.519.000.000	9.555.030.000
2.Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	680.000	680.000
<b>Cộng</b>	<b>9.519.680.000</b>	<b>9.555.710.000</b>
<b>A.7.14. Tài sản tài chính chờ về của CTCK</b>		
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tài sản tài chính chờ về của CTCK	47.050.000	2.690.000
<b>Cộng</b>	<b>47.050.000</b>	<b>2.690.000</b>
<b>A.7.15. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK</b>		
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng của CTCK - OTC	2.671.550.000	2.667.300.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố của CTCK - OTC	70.000.000.000	-
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch nhưng chưa lưu ký của CTCK - Hạn chế chuyển nhượng	56.000.000.000	56.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>128.671.550.000</b>	<b>58.667.300.000</b>
<b>A.7.16. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK</b>		
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	830.000	760.000
<b>Cộng</b>	<b>830.000</b>	<b>760.000</b>
<b>A.7.17. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư</b>		
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1.Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	17.329.776.234.240	16.235.997.645.250
2.Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	226.017.430.000	154.923.690.000
3.Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	954.823.470.000	881.652.450.000
4.Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	1.226.000.000	1.226.000.000
5.Tài sản tài chính chờ thanh toán	784.389.292.910	200.134.972.560
6.Tài sản tài chính chờ cho vay		
<b>Cộng</b>	<b>19.296.232.427.150</b>	<b>17.473.934.757.810</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

A.7.18. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
1.Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	8.549.090.000	10.601.270.000
2.Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	90.813.820.000	72.770.370.000
3.Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố		
4.Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		
<b>Cộng</b>	<b>99.362.910.000</b>	<b>83.371.640.000</b>
<b>A.7.19. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư</b>		
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	752.515.068.130	177.202.904.280
<b>Cộng</b>	<b>752.515.068.130</b>	<b>177.202.904.280</b>
<b>A.7.20. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư</b>		
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	35.172.740.000	1.366.090.000
<b>Cộng</b>	<b>35.172.740.000</b>	<b>1.366.090.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.21. Tiền gửi của Nhà đầu tư**

Tiền gửi của Nhà đầu tư	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.057.660.225.224	826.920.717.575
1.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.033.703.064.475	816.723.196.075
1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	23.957.160.749	10.197.521.500
2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		
3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư		
3.1. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		
3.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		
<b>Cộng</b>	<b>3.057.660.225.224</b>	<b>826.920.717.575</b>

**A.7.22. Tiền gửi của Tổ chức phát hành**

Tiền gửi của Tổ chức phát hành	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành		
2. Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	11.396.603.739	2.072.504.600
<b>Cộng</b>	<b>11.396.603.739</b>	<b>2.072.504.600</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.23. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả cổ tức cho cổ đông hoặc lợi nhuận cho thành viên góp vốn	4.402.675.500	3.998.664.500
<b>Cộng</b>	<b>4.402.675.500</b>	<b>3.998.664.500</b>

**A.7.24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	13.421.747.974	9.501.544.239
- Thuế Thu nhập cá nhân	12.758.691.395	2.642.834.139
- Các loại thuế khác	1.047.696.241	423.854.007
<b>Cộng</b>	<b>27.228.135.610</b>	<b>12.568.232.385</b>

**A.7.25. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí GDCK, phí lưu ký và chuyển khoản, phí đại lý mở tài khoản, lãi vay cho giao dịch ký quỹ	8.331.945.679	2.820.268.528
<b>Cộng</b>	<b>8.331.945.679</b>	<b>2.820.268.528</b>

**A.7.26. Phải trả người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Đầu tư tài chính Hà Thành	120.042.211	34.055.332
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	108.416.985	
Công ty TNHH dịch vụ tin học FPT	95.128.000	
Công ty Cổ phần Phú Tăng	58.090.942	2.175.824
Các đại lý mở tài khoản	50.154.983	265.201.057
Công ty TNHH Petrotime Việt Nam	2.559.190	
Công ty TNHH MTV Viễn Thông Quốc Tế FPT	168.417	55.980
Công ty TNHH FBS		8.166.590
Công ty Cổ Phần Đầu tư và địa ốc Hoàng Lịch		17.375.422
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Thương mại Thái Minh		3.925.828
Công ty CP tư vấn quy hoạch và thẩm định giá SBA		132.000.000
<b>Cộng</b>	<b>434.560.728</b>	<b>462.956.033</b>

**A.7.27. Phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả cổ tức cho cổ đông hoặc lợi nhuận cho thành viên góp vốn	4.402.675.500	3.998.664.500
- Phải trả các Ngân hàng (đặt cọc thực hiện hợp đồng môi giới trái phiếu Chính phủ)	520.000.000.000	
- Phải trả phải nộp khác	1.589.669.517	923.163.024
<b>Cộng</b>	<b>525.992.345.017</b>	<b>4.921.827.524</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**  
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

A.7.28. Vay ngắn hạn (chi tiết theo các loại vay phát sinh trong năm hoạt động của CTCK)	Lãi suất vay	Số dư vay đầu năm	Số trả trong năm	Số dư cuối năm
Vay NH BIDV Hà Thành (03/05/2019 - 24/03/2020)	7,25%	46.000.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000
Vay NH BIDV Hà Thành (24/06/2019 - 24/03/2020)	7,25%	27.800.000.000	27.800.000.000	27.800.000.000
Vay NH BIDV Hà Thành (12/07/2019 - 26/03/2020)	7,25%	92.700.000.000	92.700.000.000	92.700.000.000
Vay MSB HS (25/12/2019 - 07/02/2020)	6,70%	105.000.000.000	105.000.000.000	105.000.000.000
Vay MSB HS (10/02/2020 - 17/02/2020)	6,70%	105.000.000.000	105.000.000.000	105.000.000.000
Vay MSB HS (14/04/2020 - 11/05/2020)	5,00%	105.000.000.000	105.000.000.000	105.000.000.000
Vay MSB HS (12/05/2020 - 10/07/2020)	5,00%	105.000.000.000	105.000.000.000	105.000.000.000
Vay MSB HS (16/07/2020 - 14/08/2020)	4,00%	105.000.000.000	105.000.000.000	105.000.000.000
Vay MSB HS (24/08/2020 - 22/09/2020)	4,00%	105.000.000.000	105.000.000.000	105.000.000.000
Vay MSB HS (10/09/2020 - 09/10/2020)	5,30%	95.000.000.000	95.000.000.000	95.000.000.000
Vay MSB HS (23/09/2020 - 22/10/2020)	5,20%	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Vay MSB HS (14/10/2020 - 16/11/2020)	5,20%	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Vay MSB HS (23/10/2020 - 20/11/2020)	5,20%	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Vay MSB HS (23/11/2020 - 21/12/2020)	5,50%	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Vay MSB HS (22/12/2020 - 20/01/2021)	5,50%	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Vay VIB (03/11/2020 - 03/05/2021)	5,50%	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Vay BIDV Ba Đình (22/11/19 - 20/01/2020)	7,20%	33.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000
Vay BIDV Ba Đình (06/12/19 - 31/01/2020)	7,20%	57.000.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000
Vay VCB Thanh Xuân (24/03/20 - 22/06/2020)	5,80%	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Vay VCB Thanh Xuân (27/04/20 - 27/07/2020)	5,40%	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Vay VCB Thanh Xuân (24/06/20 - 24/07/2020)	5,00%	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Vay VCB Thanh Xuân (25/08/20 - 25/11/2020)	4,50%	54.000.000.000	54.000.000.000	54.000.000.000
Vay VCB Thanh Xuân (23/09/20 - 15/12/2020)	4,40%	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
Vay VCB Thanh Xuân (26/11/2020 - 16/12/2020)	4,50%	54.000.000.000	54.000.000.000	54.000.000.000
Vay VCB Thanh Xuân (21/12/2020 - 22/03/2021)	4,20%	99.000.000.000	99.000.000.000	99.000.000.000
Vay Wooribank (13/05/20 - 13/11/2020)	5,00%	223.000.000.000	223.000.000.000	223.000.000.000
Vay Wooribank (16/11/2020 - 17/02/2021)	4,75%	178.000.000.000	178.000.000.000	178.000.000.000
Vay Vietinbank Nam Thăng Long (31/07/2020 - 07/12/2020)	5,00%	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay Vietinbank Nam Thăng Long (25/09/2020 - 07/12/2020)	5,00%	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Vay Vietinbank Nam Thăng Long (07/12/2020 - 07/09/2021)	5,00%	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>4.313.000.000.000</b>	<b>2.077.500.000.000</b>	<b>2.077.500.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.29. Phải trả Nhà đầu tư**

**Loại phải trả**

1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

1.1. Của Nhà đầu tư trong nước

1.2. Của Nhà đầu tư nước ngoài

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
3.057.660.225.224	826.920.717.575
3.033.703.064.475	816.723.196.075
23.957.160.749	10.197.521.500
<b>3.057.660.225.224</b>	<b>826.920.717.575</b>

**A.7.30. Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK**

1. Phải trả phí môi giới chứng khoán

2. Phải trả phí lưu ký chứng khoán

3. Phải trả phí tư vấn đầu tư

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
1.510.771.518	447.381.357
<b>1.510.771.518</b>	<b>447.381.357</b>

**A.7.31. Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư**

Các khoản phải trả

1. Phải trả nghiệp vụ margin

2. Phải trả gốc margin

2.1. Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư trong nước

2.2. Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư nước ngoài

3. Phải trả lãi margin

3.1. Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư trong nước

3.2. Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư nước ngoài

4. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán

4.1. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán

a. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước

b. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài

4.2. Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán

a. Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước

b. Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài

5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
2.223.220.795.799	1.708.255.790.726
2.223.220.795.799	1.708.255.790.726
3.385.641.825	7.102.377.719
3.385.641.825	7.102.377.719
<b>256.126.301.541</b>	<b>95.136.170.012</b>
255.727.112.342	95.034.081.484
255.727.112.342	95.034.081.484
399.189.199	102.088.528
399.189.199	102.088.528
9.534.066	4.249.700
<b>2.482.742.273.231</b>	<b>1.810.498.588.157</b>

**A.7.32. Lợi nhuận chưa phân phối**

1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối

2. Lợi nhuận chưa thực hiện

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
395.337.806.819	293.825.405.027
244.001.816.750	273.649.274.388
<b>639.339.623.569</b>	<b>567.474.679.415</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.33. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn**

	Năm 2020	Năm 2019
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối lũy kế	293.825.405.027	312.553.706.851
2. Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm		
3. Lợi nhuận đã thực hiện năm nay	200.196.696.216	192.811.344.619
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn (4)=(1+2+3)	494.022.101.243	505.365.051.470
5. Số trích các quỹ từ lợi nhuận	38.562.268.924	47.579.347.443
5.1 Quỹ dự trữ điều lệ	9.640.567.231	11.894.836.861
5.2 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	9.640.567.231	11.894.836.861
5.3 Quỹ khen thưởng phúc lợi	19.281.134.462	23.789.673.721
6. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	60.122.025.500	163.960.299.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**B. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động****B.7.33. Thu nhập****B.7.33.1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ trước
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
1	ID2040031- Trái phiếu chính phủ đầu thầu đợt 4/2020	1.000.000	103.010	103.010.000.000	101.032.000.000	1.978.000.000	1.978.000.000	
2	ID1330289- Trái phiếu chính phủ đầu thầu đợt 5/2015	1.000.000	147.344	147.344.000.000	145.630.000.000	1.714.000.000	1.714.000.000	
3	Cổ phiếu lẻ	133.819		2.423.584.462	2.014.126.617	409.457.845	409.457.845	103.813.340
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.133.819</b>		<b>252.777.584.462</b>	<b>248.676.126.617</b>	<b>4.101.457.845</b>	<b>4.101.457.845</b>	<b>103.813.340</b>

**B.7.33.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường(*)	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này
A	B	C	D	E=D-C	F	G=E-F
I	Loại FVTPL	264.639.036.734	508.640.853.484	244.001.816.750	273.649.274.388	(29.647.457.638)
1	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký GD	14.628.932.563	258.630.749.313	244.001.816.750	273.649.274.388	(29.647.457.638)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.010.104.171	2.010.104.171			
3	Trái phiếu niêm yết					
4	Trái phiếu chưa niêm yết					
5	Công cụ thị trường tiền tệ	178.000.000.000	178.000.000.000			
6	Chứng quyền					
7	Các khoản đầu tư phái sinh niêm yết					
8	Các khoản đầu tư phái sinh chưa niêm yết					
9	Các khoản đầu tư cho vay					
10	Các khoản đầu tư đem thế chấp	70.000.000.000	70.000.000.000			
11	Các khoản đầu tư mua chưa chuyển quyền sở hữu					
II	Loại HTM					
III	Loại các khoản cho vay và phải thu					
IV	Loại AFS					
	<b>Cộng</b>	<b>264.639.036.734</b>	<b>508.640.853.484</b>	<b>244.001.816.750</b>	<b>273.649.274.388</b>	<b>(29.647.457.638)</b>

(\*) Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa của các cổ phiếu trên tại ngày 31/12/2020 trên sàn giao dịch chứng khoán. Công ty không thực hiện đánh giá lại các cổ phiếu chưa niêm yết tại thời điểm 31/12/2020 vì không có đủ thông tin tin cậy về giá thị trường của các cổ phiếu này.

**B.7.33.3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS**

Các loại doanh thu hoạt động khác	Năm nay	Năm trước
1. Từ tài sản tài chính FVTPL	17.707.669.205	37.555.024.926
1.1 Cổ tức và lãi trái phiếu	1.552.710.299	29.202.230.405
1.2 Lãi tiền gửi có kỳ hạn	16.154.958.906	8.352.794.521
2. Từ tài sản tài chính HTM		
3. Từ các khoản cho vay	189.864.272.706	201.887.106.543
4. Từ AFS		
<b>Tổng cộng</b>	<b>207.571.941.911</b>	<b>239.442.131.469</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**B7.33.4. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính**

STT	Các loại doanh thu hoạt động khác	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu đại lý đầu giá	894.556	113.500.724
2	Doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức của TCPH	59.250.000	89.049.036
3	Phí quản lý tài sản cầm cố	40.000.000	30.000.000
4	Doanh thu khác		
	<b>Cộng</b>	<b>100.144.556</b>	<b>232.549.760</b>

**B7.34. Doanh thu hoạt động tài chính**

STT	Loại doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
1	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
1.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện		
1.2	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		
2	Doanh thu cổ tức từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh phát sinh trong kỳ		
3	Doanh thu dự thu cổ tức, phát sinh trong kỳ		
4	Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.904.614.479	27.926.525.430
5	Doanh thu hoạt động tài chính khác		
	<b>Cộng</b>	<b>11.904.614.479</b>	<b>27.926.525.430</b>

**B 7.35. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ**

STT	Loại chi phí	Năm nay	Năm trước
1	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	102.339.002.825	66.204.214.490
2	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		
3	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	524.976.743	156.398.720
4	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	11.944.280.170	10.665.166.105
5	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	8.851.159.688	9.215.114.524
6	Chi phí các dịch vụ tài chính khác		
7	Chi phí cho thuê, sử dụng tài sản		
8	Chi phí trả hộ gốc, lãi trái phiếu cho Tổ chức phát hành		
9	Chi phí dịch vụ khác		
10	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	19.575.194.161	21.326.065.090
	<b>Cộng</b>	<b>143.234.613.587</b>	<b>107.566.958.929</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**B 7.36. Chi phí quản lý CTCK**

STT	Loại chi phí quản lý CTCK	Năm nay	Năm trước
1	Chi phí lương và khác khoản khác theo lương	26.189.738.031	24.529.666.291
	<i>Trong đó chi phí lương của Tổng Giám đốc</i>	<i>768.960.000</i>	<i>768.960.000</i>
2	BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	2.243.013.200	2.065.977.600
3	Chi phí đào tạo tu vấn dụng	127.785.739	118.500.000
4	Chi phí vật tư văn phòng	836.701.127	1.120.102.280
5	Chi phí công cụ, dụng cụ		
6	Chi phí khấu hao TSCĐ	9.336.690.622	10.709.474.143
7	Chi phí thuê, phí và lệ phí	18.844.068	27.717.755
8	Chi phí dự phòng và hoàn nhập dự phòng		
9	Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.370.709.315	10.597.376.359
10	Chi phí khác	1.070.916.302	2.889.592.405
	<b>Cộng</b>	<b>53.194.398.404</b>	<b>52.058.406.833</b>

**B 7.37. Thu nhập khác**

STT	Chi tiết thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
1	Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	181.818	
2	Doanh thu bán Token card	167.908.930	81.518.265
3	Thu nhập từ phí c. tiền của NĐT	1.981.526.411	1.315.878.165
4	Thu nhập khác	21.883.484.963	15.225.072.747
	<b>Cộng</b>	<b>24.033.102.122</b>	<b>16.622.469.177</b>

**B 7.38. Chi phí khác**

STT	Chi tiết chi phí khác	Năm nay	Năm trước
1	Phạt do vi phạm hành chính	81.787.852	100.000.000
2	Chi phí Token card	136.567.248	48.311.812
3	Phí chuyển tiền của NĐT	1.062.934.275	1.203.876.686
4	Chi phí khác	21.136.114.108	14.986.068.282
	<b>Cộng</b>	<b>22.417.403.483</b>	<b>16.338.256.780</b>

**B 7.39. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp**

STT	Chi tiết chi phí thuế TNDN	Năm nay	Năm trước
1	<b>Chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành</b>		
1.1	- Chi phí thuế thu nhập CTCK tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	50.054.776.776	40.927.278.553
1.2	- Điều chỉnh chi phí Thuế thu nhập CTCK của các năm		
1.3	- Tổng chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành		
2	<b>Chi phí thuế thu nhập CTCK hoãn lại</b>		

**B 7.40. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	170.549.238.578	214.295.744.736
Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	170.549.238.578	214.295.744.736
Quỹ khen thưởng phúc lợi		19.281.134.462
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	132.629.388	120.243.652
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	1.286	1.622

**Ghi chú:** Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu số năm trước đã điều chỉnh lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019 được trích vào năm 2020, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 do chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**C. Thuyết minh về Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

C.7.41. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển Tiền tệ và các khoản tiền do CTCK nắm giữ nhưng không được sử dụng

STT	Các giao dịch và các khoản tiền	Năm nay	Năm trước
A	B	1	2
	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		
	-Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.057.660.225.224	826.920.717.575
	-Tiền gửi của Tổ chức phát hành	11.396.603.739	2.072.504.600
	<b>Tổng</b>	<b>3.069.056.828.963</b>	<b>828.993.222.175</b>

D.Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu: Không có.

E. Những thông tin khác:

E.7.42.1. Thông tin so sánh: Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2020 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

E.7.42.2. Thông tin về các bên liên quan:

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền	
				Năm nay	Năm trước
1	Công ty cổ phần FPT	Cổ đông lớn (20% Vốn điều lệ)	Phí dịch vụ in Sổ CNSHCP, phí dịch vụ trả hộ cổ tức, Phí lưu ký	149.459.554	131.783.870
2	Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	Bên có liên quan	Dịch vụ viễn thông, dịch vụ tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông	168.300.000	168.300.000
3	Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	Bên có liên quan	Dịch vụ viễn thông	926.317.013	446.295.300
4	CN Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	Bên có liên quan	Dịch vụ viễn thông	2.966.429.104	941.157.800
5	Công ty TNHH MTV viễn thông quốc tế FPT	Bên có liên quan	Dịch vụ viễn thông	34.530.954	39.259.980
6	Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	Bên có liên quan	Thiết bị tin học	90.038.666	99.000.000
7	Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty CP Viễn Thông FPT	Bên có liên quan	Dịch vụ viễn thông	165.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**E. 7.42.3. Những thông tin khác:**

Công ty không thực hiện nghiệp vụ hỗ trợ vốn ngoài nghiệp vụ giao dịch ký quỹ (Không có Hợp đồng hợp tác đầu tư, đặt cọc môi giới chứng khoán, giao dịch mua có cam kết bán lại Reverse repo).

Người lập biểu



Nguyễn Thị Sơn

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hương



Nguyễn Văn Dũng



**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
TUỢNG NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Văn Dũng*